

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
**KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH**

**Nguyễn Thị Bình**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA  
DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG PHƯỜNG TÂY HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

**Mã sinh viên: 2651030081**  
**Ngành: Du lịch**

**NINH BÌNH, 2026**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

Nguyễn Thị Bình

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA  
DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG PHƯỜNG TÂY HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Mã sinh viên: 2651030081

Ngành: Du lịch

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Hồng Thủy

NINH BÌNH, 2026

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi tên là Nguyễn Thị Bình xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của tôi. Những số liệu, thông tin sử dụng trong Khóa luận này được thu thập tại Sở Văn hóa và Thể thao, Ban quản lý Di tích đền Vực Vông. Nội dung trong khóa luận này do bản thân tôi tự nghiên cứu, tổng hợp từ các nguồn tài liệu được trích dẫn đầy đủ, theo đúng quy định.

Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường!

*Ninh Bình, ngày ... tháng 05 năm 2026*

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Bình**

## **XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

1. Họ tên người hướng dẫn: Th.S Nguyễn Hồng Thủy
2. Đơn vị: Khoa Văn hóa - Du lịch
3. Họ tên sinh viên: Nguyễn Thị Bình
4. Mã sinh viên: 2651030081
5. Khoa: Văn hóa - Du lịch
6. Tên đề tài khóa luận: Khai thác giá trị lịch sử- văn hóa của di tích đền Vực Vông phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch.

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Nguyễn Thị Bình thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Nguyễn Thị Bình được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện!

**Người hướng dẫn**

**Nguyễn Hồng Thủy**

## **BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT**

| <b>Chữ viết tắt</b> | <b>Viết đầy đủ</b>                                                                                                        |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| DTLSVH              | Di tích lịch sử văn hoá                                                                                                   |
| UNESCO              | United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization- Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc |

## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 2.1. Bảng tóm tắt câu hỏi thực trạng khai thác giá trị lịch sử - văn hóa di tích đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch..... | 42 |
| Bảng 2.2. Bảng đánh giá về mức độ hài lòng của du khách trong công tác bảo tồn và gìn giữ di tích.....                             | 44 |
| Bảng 2.3. Bảng đánh giá về mức độ hài lòng của du khách về các dịch vụ du lịch.....                                                | 59 |

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

|                                                                                                                      |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Biểu đồ 2.1. Mức độ hiểu biết của du khách về giá trị lịch sử - văn hoá của du khách trước khi đến đền Vực Vông..... | 47 |
| Biểu đồ 2.2. Các giá trị nổi bật của đền Vực Vông theo ý kiến du khách.....                                          | 48 |
| Biểu đồ 2.3. Mức độ tham gia của người dân trong khai thác và bảo tồn di tích.....                                   | 51 |
| Biểu đồ 2.4. Hình thức tham gia của cộng đồng địa phương.....                                                        | 52 |

## MỤC LỤC

|                                                                                                                         |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU.....</b>                                                                                                      | <b>1</b>  |
| 1. Lý do chọn đề tài .....                                                                                              | 1         |
| 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....                                                                                 | 2         |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....                                                                                 | 5         |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....                                                                                 | 6         |
| 5. Phương pháp nghiên cứu.....                                                                                          | 6         |
| 6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....                                                                | 8         |
| <b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN .....</b>                                                                       | <b>9</b>  |
| 1.1. Cơ sở lý luận .....                                                                                                | 9         |
| 1.1.1. Khái niệm.....                                                                                                   | 9         |
| 1.1.2. Những tiêu chí di tích lịch sử - văn hóa .....                                                                   | 10        |
| 1.1.3. Giá trị của hệ thống di tích lịch sử - văn hoá Việt Nam .....                                                    | 13        |
| 1.1.4. Vai trò của hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trong sự phát triển du lịch Việt Nam .....                        | 17        |
| 1.2. Khái quát phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.....                                                                   | 18        |
| 1.2.1. Điều kiện tự nhiên.....                                                                                          | 18        |
| 1.2.2. Điều kiện kinh tế- xã hội .....                                                                                  | 20        |
| 1.2.3. Tiềm năng phát triển du lịch phường Tây Hoa Lư .....                                                             | 23        |
| Tiểu kết chương 1 .....                                                                                                 | 25        |
| <b>Chương 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HOÁ CỦA DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH.....</b> | <b>26</b> |
| 2.1. Khái quát về di tích Đền Vực Vông.....                                                                             | 26        |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Đền Vực Vông.....                                                           | 26        |
| 2.1.2. Các giá trị lịch sử - văn hóa của di tích Đền Vực Vông .....                                                     | 29        |
| 2.2. Thực trạng khai thác giá trị di tích đền Vực Vông.....                                                             | 41        |
| 2.2.1. Mô tả nghiên cứu .....                                                                                           | 41        |
| 2.2.2. Thực trạng công tác bảo tồn và gìn giữ di tích .....                                                             | 43        |
| 2.2.3. Thực trạng khai thác giá trị lịch sử - văn hoá của di tích.....                                                  | 46        |
| 2.2.4. Thực trạng về khả năng liên kết du lịch của di tích .....                                                        | 49        |
| 2.2.5. Thực trạng sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo tồn và phát huy di tích .....                          | 50        |
| 2.2.6. Thực trạng hoạt động dịch vụ du lịch tại di tích .....                                                           | 53        |
| 2.3. Đánh giá thực trạng khai thác giá trị đền Vực Vông .....                                                           | 55        |
| 2.3.1. Ưu điểm.....                                                                                                     | 55        |
| 2.3.2. Hạn chế .....                                                                                                    | 56        |
| 2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế .....                                                                              | 57        |

|                                                                                                                    |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Tiểu kết chương 2 .....</b>                                                                                     | <b>59</b> |
| <b>Chương 3: GIẢI PHÁP PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỊCH SỬ- VĂN HOÁ DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH .....</b> | <b>60</b> |
| <b>3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa – tâm linh tỉnh Ninh Bình .....</b>                                  | <b>60</b> |
| 3.1.1. Quan điểm phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá đền Vực Vông .....                                     | 60        |
| 3.1.2. Mục tiêu và định hướng phát triển du lịch .....                                                             | 61        |
| <b>3.2. Giải pháp phát huy giá trị di tích Đền Vực Vông .....</b>                                                  | <b>64</b> |
| 3.2.1. Giải pháp bảo tồn và phát huy di tích .....                                                                 | 64        |
| 3.2.2. Giải pháp tổ chức hoạt động du lịch .....                                                                   | 65        |
| 3.2.3. Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch .....                                                                 | 66        |
| 3.2.4. Giải pháp về cộng đồng địa phương .....                                                                     | 67        |
| 3.2.5. Giải pháp truyền thông, quảng bá .....                                                                      | 68        |
| <b>Tiểu kết chương 3 .....</b>                                                                                     | <b>69</b> |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>                                                                                  | <b>70</b> |
| 1.1. Kết luận .....                                                                                                | 70        |
| 1.2. Kiến nghị và đề xuất .....                                                                                    | 71        |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                                                                     | <b>72</b> |
| <b>PHỤ LỤC 1 .....</b>                                                                                             | <b>74</b> |
| <b>PHỤ LỤC 2 .....</b>                                                                                             | <b>84</b> |
| <b>PHỤ LỤC 3 .....</b>                                                                                             | <b>87</b> |

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa tại Việt Nam là nguồn tài nguyên di sản vật thể vô cùng phong phú, đóng vai trò là hạt nhân và là lợi thế cạnh tranh cốt lõi trong chiến lược phát triển du lịch quốc gia. Trong xu thế du lịch đương đại, việc phát triển du lịch văn hóa không chỉ đơn thuần là hoạt động khai thác kinh tế, mà đã trở thành giải pháp chiến lược để bảo tồn.

Ninh Bình – vùng đất địa linh nhân kiệt với trung tâm là Quần thể di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An cùng Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư – đang đứng trước những cơ hội và thách thức mang tính lịch sử. Theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, mục tiêu đến năm 2030 là đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển có chiều sâu, và đến năm 2045 sẽ trở thành trung tâm du lịch tâm cổ quốc tế thúc đẩy mô hình du lịch xanh - thông minh - văn minh. Để đạt được tầm nhìn vĩ mô đó, một nhiệm vụ cấp thiết được đặt ra cho ngành du lịch địa phương là phải liên tục nghiên cứu, giải mã và định vị lại giá trị của các điểm di tích vệ tinh nằm trong không gian di sản Cố đô, nhằm giảm tải cho vùng lõi và tạo ra các tuyến trải nghiệm chuyên sâu, độc đáo cho du khách.

Nằm trong dòng chảy hệ thống di tích biểu trưng của vùng đất cố đô, đền Vực Vông (phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) là một không gian di sản chứa đựng giá trị đặc thù mang tính lưỡng hợp. Về mặt lịch sử, đền là nơi phụng thờ các nhân vật lịch sử có công lớn trong giai đoạn biến động “phù Lê diệt Mạc”; Về mặt tín ngưỡng, đền là minh chứng sống động cho sự dung hợp hài hòa giữa lịch sử và tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của cư dân nông nghiệp gắn với địa thế phong thủy đặc trưng.

Tuy nhiên, qua khảo sát sơ bộ, công tác khai thác giá trị lịch sử - văn hóa tại đền Vực Vông hiện nay đang đối mặt với 3 vấn đề lớn mang tính cấp bách:

*Thứ nhất*, sự không tương xứng giữa tiềm năng di sản và thực trạng khai thác, mặc dù sở hữu kho tàng giá trị kiến trúc nghệ thuật thời Lê - Nguyễn và hệ thống thần phả, sắc phong phong phú, nhưng đền Vực Vông hiện nay chủ yếu mới

chỉ được biết đến như một điểm đến tâm linh mang tính thời vụ cục bộ vào dịp đầu xuân. Du khách đến đền có thời gian lưu trú ngắn, chi tiêu thấp, và mức độ hiểu biết về chiều sâu lịch sử của ngôi đền còn rất hạn chế do thiếu hụt các sản phẩm du lịch và dịch vụ thuyết minh chuyên nghiệp.

*Thứ hai*, áp lực từ bối cảnh đô thị hóa và sáp nhập địa giới hành chính. Phường Tây Hoa Lư hiện đang là khu vực chịu tác động mạnh mẽ của quá trình phát triển hạ tầng và biến động địa giới. Sự mở rộng của không gian dân sinh đang đặt di tích trước những nguy cơ tiềm ẩn về việc xâm lấn vùng đệm, phá vỡ cảnh quan phong thủy nguyên bản và làm lu mờ phần không gian văn hóa của ngôi đền.

*Thứ ba*, khoảng trống về mặt nghiên cứu ứng dụng. Hiện nay, các bài viết về đền Vực Vòng mới chỉ dừng lại ở mức độ giới thiệu tin tức báo chí, quảng bá điểm đến đơn lẻ hoặc các báo cáo quản lý chung của Sở Du lịch về toàn tỉnh Ninh Bình. Mới có một số ít các công trình nghiên cứu khoa học về đền Vực Vòng.

Nếu không có những đánh giá kịp thời và giải pháp khoa học, đền Vực Vòng có nguy cơ rơi vào trạng thái bị lãng quên hoặc bị tổn thương trước làn sóng thương mại hóa. Xuất phát từ những đòi hỏi cấp thiết về cả mặt lý luận định hướng của tỉnh và thực tiễn quản lý, khai thác tại điểm đến, tác giả lựa chọn đề tài: “Khai thác giá trị lịch sử văn hóa của di tích đền Vực Vòng phường Tây Hoa Lư tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch”, đề tài kỳ vọng sẽ đóng góp một góc nhìn thực tế, có tính ứng dụng cao, góp phần giải quyết vấn đề hài hòa giữa bảo tồn kiến trúc cổ và phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều tỉnh thành cũng như trên toàn đất nước Việt Nam, bởi vậy để khai thác nguồn lực kinh tế này một cách bền vững cần phải tập trung vào cả hai khía cạnh lý luận và thực tiễn. Tình hình nghiên cứu về vấn đề khai thác giá trị lịch sử văn hóa của di tích gắn với hoạt động du lịch tại Việt Nam đã diễn ra khá sôi nổi trong những năm gần đây với một số đề tài có thể kể đến như:

Công trình “*Định hướng khai thác các di tích lịch sử văn hoá tỉnh Quảng Trị cho mục đích du lịch*” (2012) của tác giả Bùi Thị Thu, Vũ Mạnh Cường khẳng định

Quảng Trị có nhiều di tích lịch sử- văn hoá, là nơi hội tụ của các tuyến đường bộ nên có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch hoài niệm, du lịch văn hoá, du lịch tôn giáo, ... Việc khai thác và sử dụng các di tích lịch sử- văn hoá còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, cần đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức lãnh thổ du lịch theo 3 cụm, 2 tuyến du lịch một cách hiệu quả.

Công trình *“Thực trạng và định hướng khai thác các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch”* (2019) của tác giả Nguyễn Hà Quỳnh Giao và Phạm Xuân Hậu. Đề tài nghiên cứu về di tích lịch sử - văn hóa của ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế khẳng định hoạt động khai thác các di tích trong những năm qua và còn tồn tại một số vấn đề bất hợp lý, chưa phát huy hết giá trị và vai trò của các DTLSVH. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả khai thác các DTLSVH phục vụ du lịch, nhóm tác giả đề xuất một số định hướng chủ yếu về kinh doanh, đầu tư và sự tham gia của cộng đồng nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của ngành du lịch Thừa Thiên Huế.

Công trình *“Khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch ở các tỉnh miền núi phía Bắc”* (2023) của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thanh. Bài viết tập trung làm rõ các nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch. Từ đó đề xuất giải pháp khai thác có hiệu quả nguồn lực này trong phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc.

Trong suốt khoảng thời gian gần đây, nghiên cứu về khai thác di tích lịch sử - văn hoá phục vụ phát triển du lịch ngày càng được nhiều tác giả quan tâm hơn. Tại Ninh Bình đã có một số công trình nghiên cứu về khai thác giá trị di tích lịch sử - văn hoá phục vụ phát triển du lịch như:

Công trình *“Giải pháp tăng cường quản lý về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình”* (2024) của tác giả Đinh Văn Viễn, Hà Tống Mạnh. Các tác giả nhận định rằng di sản văn hoá được xem như một nguồn tài nguyên quý giá, có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển du lịch. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá gắn liền với phát triển du lịch ở huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã có những thành tựu đáng

để góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững về kinh tế- xã hội của địa phương. Từ đó tác giả đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di sản văn hoá, khai thác tối ưu tiềm năng này.

Công trình *“Phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển du lịch Ninh Bình”* (2015) của tác giả Nguyễn Thành Trung. Hệ thống di tích lịch sử văn hóa được xem là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị to lớn, là cơ sở để phát triển các sản phẩm du lịch đặc sắc. Việc bảo tồn gắn liền với phát huy giá trị di tích đã đóng góp tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống văn hóa - xã hội của tỉnh Ninh Bình. Từ đó tác giả đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động du lịch tại các di tích lịch sử văn hóa, bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị bền vững của các di sản này.

Công trình *“Di sản văn hoá chùa Bái Đính trong phát triển du lịch bền vững ở Ninh Bình”* (2018) của tác giả Nguyễn Thị Hằng. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả nhận định rằng quá trình khai thác các giá trị di sản văn hóa tâm linh tại chùa Bái Đính đã tạo ra những tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và cảnh quan môi trường của địa phương. Việc đánh giá khách quan các mặt thuận lợi lẫn khó khăn trong hoạt động du lịch tại đây là cơ sở then chốt để định hình các bước đi đúng đắn, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững. Từ đó tác giả đưa ra những giải pháp và lưu ý cụ thể nhằm giải quyết các thách thức còn tồn tại nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và thúc đẩy khu du lịch phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Ngoài ra còn có một số bài đăng trên báo, website liên quan tới Đền Vực Vông và được đăng tải bởi các cơ quan, sở ngành hoặc báo chí có liên quan tới lĩnh vực văn hóa – du lịch tỉnh Ninh Bình:

Bài viết *“Đền Vực Vông điểm du lịch Ninh Bình”* (2012) trên Báo Ninh Bình. Nội dung bài viết tập trung làm nổi bật đền Vực Vông như một công trình kiến trúc cổ kính mang đậm giá trị tâm linh và là một điểm đến hấp dẫn, kết nối hài hòa giữa yếu tố lịch sử với phong cảnh thiên nhiên đặc sắc của vùng đất cổ đô. Từ đó, bài viết cung cấp những thông tin chi tiết nhằm giới thiệu sâu rộng về

lịch sử hình thành, nét đẹp kiến trúc nghệ thuật và vị trí địa lý của ngôi đền đến với đông đảo độc giả và du khách thập phương.

Bài viết “*Chiêm bái đền Vực Vông dịp đầu Xuân*” (2025) của Trung tâm Xúc tiến Du lịch Ninh Bình. Bài viết nhấn mạnh dịp đầu xuân năm mới là khoảng thời gian cao điểm thu hút đông đảo du khách thập phương tìm về đền Vực Vông để chiêm bái, trả hội và cầu nguyện bình an, tạo nên một nét đẹp văn hóa tâm linh đặc trưng trong đời sống tinh thần của người dân. Từ đó, bài viết đưa ra những góc nhìn cận cảnh nhằm quảng bá tiềm năng du lịch tâm linh đầu năm, đồng thời định hướng thu hút du khách đến trải nghiệm không gian văn hóa này.

Bài viết “*Một số vấn đề về phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*” (2024) của Sở Du lịch Ninh Bình. Bài viết khẳng định việc gắn kết chặt chẽ giữa khai thác du lịch với công tác bảo tồn nghiêm ngặt các giá trị di sản, đặc biệt là tại vùng lõi Quần thể di sản Cố đô Hoa Lư – nơi đền Vực Vông tọa lạc, là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững cho ngành du lịch tỉnh nhà. Từ đó, bài viết đưa ra những định hướng và giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ nguyên trạng di tích trước áp lực của hoạt động khai thác du lịch hiện đại.

Tình hình nghiên cứu khai thác giá trị di tích tại Ninh Bình là đa dạng và có hệ thống. Tuy nhiên chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu riêng, đầy đủ và chi tiết về giá trị lịch sử - văn hóa, thực trạng hoạt động khai thác, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch tại di tích đền Vực Vông. Do đó, việc đề xuất nghiên cứu đề tài “Khai thác giá trị lịch sử văn hóa của di tích đền Vực Vông phường Tây Hoa Lư tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch” là một đề tài mới và có tính khả thi.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài tập trung vào nghiên cứu giá trị lịch sử - văn hóa và thực trạng khai thác các giá trị lịch sử - văn hoá gắn với phát triển du lịch tại di tích Đền Vực Vông phường Tây Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Từ đó đề xuất một số giải pháp phát huy giá trị lịch sử – văn hóa di tích đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về giá trị lịch sử - văn hóa

Nghiên cứu thực trạng hoạt động khai thác giá trị lịch sử - văn hoá gắn với phát triển du lịch tại di tích Đền Vực Vông.

Đề xuất giải pháp khai thác hiệu quả giá trị lịch sử - văn hóa của di tích Đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là giá trị lịch sử - văn hóa của di tích đền Vực Vông và hoạt động khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch tại đền.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Không gian: Di tích đền Vực Vông tại phường Tây Hoa Lư

Thời gian: 2022 – 2025

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin**

Thu thập, phân loại và phân tích các nguồn tư liệu nhằm xây dựng nền tảng lý luận, xác định giá trị cốt lõi của di tích đền Vực Vông và đánh giá bức tranh toàn cảnh về định hướng du lịch địa phương.

Tác giả trực tiếp tiếp cận, tập hợp các văn bản lịch sử, thần phả, sắc phong, bia ký cổ liên quan đến đền Vực Vông, nhân vật thờ tự chính là Bà Chúa Nguyễn Thị Niên và Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê để giải mã các giá trị văn hóa - lịch sử cốt lõi. Tiến hành tra cứu, tổng hợp các văn bản pháp lý, chính sách, quy hoạch và báo cáo tổng kết ngành của tỉnh Ninh Bình đặc biệt là các đề án phát triển vùng lõi, vùng đệm Cố đô Hoa Lư. Tham khảo, kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo, sách chuyên khảo đi trước về mô hình khai thác di tích gắn với du lịch bền vững. Từ đó, dùng phương pháp phân tích, tổng hợp để hệ thống hóa dữ liệu, phục vụ cho việc viết chương cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng.

### **5.2. Phương pháp điều tra xã hội học**

Phỏng vấn sâu: Thu thập các ý kiến chuyên sâu, đa chiều từ các nhóm đối tượng trực tiếp tham gia quản lý, vận hành và thụ hưởng di sản nhằm làm rõ bản chất của công tác bảo tồn và định hướng du lịch.

Tác giả xây dựng khung câu hỏi phỏng vấn và trực tiếp tiến hành đối thoại, ghi chép thực địa với 03 đối tượng: Cán bộ văn hóa - xã hội phường Tây Hoa Lư; Cụ từ trông coi đền Vực Vông; Người dân sinh sống lâu năm cạnh đền. Các thông tin sau đó được phân tích nội dung để trích dẫn trực tiếp làm luận cứ cho bài viết.

Điều tra bằng bảng hỏi: Thu thập số liệu thống kê diện rộng về nhận thức, thái độ, hành vi và mức độ hài lòng của hai chủ thể cốt lõi trong hệ sinh thái du lịch tại đền Vực Vông: du khách và cộng đồng cư dân bản địa.

Tác giả thiết kế 2 mẫu phiếu khảo sát riêng biệt, phân bổ câu hỏi khoa học và tiến hành phát - thu hồi trực tiếp tại thực địa với quy mô 30 phiếu hỏi hợp lệ (tỷ lệ phản hồi đạt 100%):

*Đối với du khách (15 phiếu):* Tiếp cận ngẫu nhiên du khách tại khuôn viên đền để thu thập thông tin về mục đích chuyến đi, mức độ hiểu biết giá trị di sản, mức độ hài lòng về dịch vụ, cảnh quan, không gian tâm linh và kỳ vọng quay lại.

*Đối với cộng đồng dân cư (15 phiếu):* Gặp gỡ hộ gia đình xung quanh khu vực di tích để khảo sát nhận thức về giá trị đền, thái độ đồng thuận hay lo ngại khi phát triển du lịch và mức độ sẵn sàng tham gia bảo tồn.

Mỗi phiếu mất khoảng 10 phút để hoàn thành. Sau khi thu đủ 30 phiếu, toàn bộ dữ liệu được nhập liệu xử lý bằng phần mềm Excel để xuất ra các bảng thống kê, biểu đồ trực quan.

### **5.3. Phương pháp điền dã**

Thu thập tài liệu thực tế khách quan, kiểm chứng các thông tin từ sách vở thông qua việc quan sát trực quan không gian kiến trúc, cảnh quan môi trường và các hoạt động văn hóa phi vật thể đang diễn ra tại đền Vực Vông.

Tác giả trực tiếp thực hiện các chuyến khảo sát thực địa tại di tích. Trong quá trình này, tác giả tiến hành ghi chép nhật ký điền dã, chụp ảnh tư liệu. Đồng thời, trực tiếp tham dự, hòa mình vào không gian lễ hội, các nghi lễ tế tự, sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu đầu xuân của người dân để quan sát hành vi, cách thức

tương tác của chủ thể văn hóa và du khách, từ đó có chất liệu thực tế sống động cho bài nghiên cứu.

## **6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

Khóa luận làm sáng tỏ các khái niệm cơ bản về giá trị lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử và mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn di sản với phát triển du lịch bền vững. Tổng hợp và hệ thống hóa một cách có khoa học các tư liệu lịch sử, đặc điểm kiến trúc, nghệ thuật và các giá trị văn hóa phi vật thể (lễ hội, truyền thuyết) liên quan trực tiếp đến đền Vực Vông.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Khóa luận phản ánh khách quan thực trạng công tác quản lý, bảo tồn và mức độ khai thác du lịch tại đền Vực Vông hiện nay, chỉ ra những ưu điểm và những mặt còn hạn chế. Từ đó đưa ra các nhóm giải pháp thiết thực giúp chính quyền địa phương và Ban quản lý di tích tối ưu hóa việc đón khách. Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các đơn vị lữ hành khi xây dựng tour du lịch tâm linh tại Ninh Bình, hoặc làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về hệ thống di tích liên quan đến thời Đinh - Lê trên địa bàn tỉnh.

## **Chương 1:** **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

### **1.1. Cơ sở lý luận**

#### **1.1.1. Khái niệm**

Di tích lịch sử- văn hoá là một bộ phận quan trọng cấu thành di sản văn hóa của mỗi quốc gia, phản ánh sinh động quá trình hình thành, phát triển lịch sử và đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng. Trong nghiên cứu văn hóa và lịch sử, “di tích lịch sử – văn hóa” là một khái niệm cơ bản, phản ánh mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại thông qua những dấu tích vật chất còn lưu giữ. Việc tiếp cận khái niệm này từ góc độ ngôn ngữ học và khoa học văn hóa giúp làm rõ bản chất, giá trị và vai trò của di tích trong đời sống xã hội.

Tiếp nối và cập nhật cách tiếp cận trên, Luật Di sản văn hóa năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) đã mở rộng và hiện đại hóa cách hiểu về di tích trong tổng thể di sản văn hóa. Theo luật này, *“Di sản văn hóa vật thể được hiểu là các sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trên lãnh thổ Việt Nam”* [19] trong đó, DTLSVH là một loại hình tiêu biểu. Cách tiếp cận mới không chỉ dừng lại ở việc nhận diện di tích như những đối tượng tĩnh, mà còn đặt di tích trong mối quan hệ với cộng đồng, môi trường và quá trình phát triển bền vững.

Quan niệm về di tích lịch sử – văn hóa được thể hiện rõ trong Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới năm 1972 của UNESCO. Theo Công ước này *“Di sản văn hóa bao gồm các công trình kiến trúc, quần thể kiến trúc và các địa điểm có giá trị nổi bật toàn cầu về lịch sử, nghệ thuật hoặc khoa học”*. Dù không sử dụng trực tiếp thuật ngữ “di tích lịch sử – văn hóa” theo cách gọi của Việt Nam, nhưng khái niệm của UNESCO có nội hàm tương đồng, đồng thời đặt ra các tiêu chí cao về tính tiêu biểu, tính xác thực và giá trị phổ quát của di tích trong phạm vi toàn nhân loại.

Theo Từ điển Tiếng Việt, “di tích” được hiểu là *“dấu vết, vết tích còn lại của quá khứ có giá trị lịch sử hoặc khoa học”* [6]. Cách giải thích này nhấn mạnh tính “còn lại” và “lưu dấu” của di tích như một minh chứng vật chất cho các giai đoạn lịch sử đã qua. Khi gắn với nội hàm “lịch sử – văn hóa”, di tích không chỉ

đơn thuần là dấu tích vật chất, mà còn là nơi kết tinh các giá trị tinh thần, tư tưởng, tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng trong một thời kỳ nhất định.

Theo Từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, DTLSVH được hiểu “*Là những công trình, địa điểm hoặc hiện vật gắn với sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử, hoặc đời sống văn hóa trong quá khứ, có ý nghĩa tiêu biểu cần được bảo tồn*” [6]. Định nghĩa này cho thấy di tích luôn gắn với hai yếu tố cơ bản: yếu tố lịch sử cụ thể và giá trị văn hóa mang tính đại diện.

Từ các quan điểm pháp lý, khoa học và trong từ điển Tiếng Việt cũng như trong các công trình nghiên cứu văn hóa học, có thể khái quát rằng: DTLSVH là những dấu tích vật chất còn lại của quá khứ, gắn với các sự kiện, nhân vật hoặc không gian văn hóa tiêu biểu, phản ánh đời sống lịch sử và văn hóa của cộng đồng, đồng thời mang giá trị giáo dục, khoa học và nhân văn sâu sắc. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh phát triển hiện nay.

### **1.1.2. Những tiêu chí di tích lịch sử - văn hóa**

Luật Di sản văn hóa năm 2024, được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, là văn bản pháp lý mới nhất điều chỉnh toàn diện hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam. Theo Luật Di sản văn hóa, mặc dù không quy định cụ thể thành một danh mục tiêu chí độc lập, nhưng căn cứ vào các quy định về giá trị, điều kiện bảo vệ và xếp hạng di tích, có thể hệ thống hóa các tiêu chí của DTLSVH gồm bảy tiêu chí cơ bản: “*Giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị khoa học, tính xác thực – nguyên gốc, tính toàn vẹn, giá trị tiêu biểu và sự gắn bó với cộng đồng*” [19]. So với các quy định trước đây, Luật Di sản văn hóa 2024 tiếp cận di tích lịch sử – văn hóa theo hướng tổng thể, hiện đại và bền vững, đặt di tích trong mối quan hệ hài hòa giữa giá trị vật chất, giá trị tinh thần và vai trò của cộng đồng. Theo đó, một DTLSVH được xác định và đánh giá dựa trên các tiêu chí cơ bản sau đây.

#### **1.1.2.1. Tiêu chí 1**

DTLSVH phải gắn liền với các sự kiện lịch sử quan trọng, các giai đoạn phát triển tiêu biểu của dân tộc hoặc địa phương, hoặc với các nhân vật lịch sử có

ảnh hưởng lớn. Giá trị lịch sử thể hiện ở khả năng phản ánh chân thực tiến trình lịch sử, ghi dấu những mốc quan trọng trong quá khứ. Như khu di tích lịch sử Điện Biên Phủ gắn với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954; Khu di tích Cố đô Hoa Lư gắn với sự hình thành Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên ở Việt Nam dưới triều Đinh – Tiền Lê.

#### *1.1.2.2. Tiêu chí 2*

Di tích phải thể hiện rõ các giá trị văn hóa truyền thống như tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tập quán, lối sống và bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân. Di tích không chỉ tồn tại như một thực thể vật chất mà còn là không gian văn hóa gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của con người. Các đình làng Bắc Bộ phản ánh tín ngưỡng thờ Thành hoàng và sinh hoạt cộng đồng làng xã. Các đền, miếu thờ Mẫu thể hiện tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của người Việt.

#### *1.1.2.3. Tiêu chí 3*

DTLSVH phải có khả năng cung cấp tư liệu có giá trị cho nghiên cứu khoa học, như lịch sử, khảo cổ học, kiến trúc, mỹ thuật, dân tộc học. Thông qua di tích, có thể nhận diện trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật, nghệ thuật và tư duy xã hội của con người trong từng thời kỳ. Khu di tích khảo cổ Óc Eo cung cấp tư liệu quan trọng về nền văn hóa Óc Eo và sự giao thương cổ đại ở Nam Bộ; Hoàng thành Thăng Long là nguồn tư liệu quý cho nghiên cứu lịch sử đô thị và kiến trúc cung đình Việt Nam.

#### *1.1.2.4. Tiêu chí 4*

Di tích phải còn giữ được các yếu tố gốc cấu thành nên giá trị của nó, bao gồm kiến trúc, vật liệu xây dựng, bố cục không gian, cảnh quan và các hiện vật liên quan. Việc tu bổ, tôn tạo phải bảo đảm tôn trọng tính xác thực, không làm sai lệch hoặc biến dạng giá trị ban đầu của di tích. Văn Miếu – Quốc Tử Giám vẫn bảo tồn được bố cục không gian truyền thống và nhiều hạng mục kiến trúc gốc; Tháp Chăm Mỹ Sơn giữ được nhiều yếu tố kiến trúc nguyên bản của văn hóa Chăm Pa.

#### *1.1.2.5. Tiêu chí 5*

Di tích cần được bảo tồn tương đối đầy đủ về cấu trúc, không gian và mối quan hệ với môi trường, cảnh quan xung quanh. Tính toàn vẹn thể hiện ở việc các thành phần cấu thành di tích chưa bị phá vỡ nghiêm trọng, bảo đảm sự hài hòa giữa di tích và không gian văn hóa lịch sử. Như quần thể danh thắng Tràng An được bảo tồn đồng bộ giữa di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ và cảnh quan thiên nhiên; Khu di tích Cố đô Huế giữ được tổng thể không gian kiến trúc cung đình và cảnh quan sông núi.

#### *1.1.2.6. Tiêu chí 6*

DTLSVH phải có giá trị tiêu biểu, đại diện cho một loại hình di tích, một thời kỳ lịch sử hoặc một không gian văn hóa nhất định. Tiêu chí này là cơ sở để phân loại và xếp hạng di tích theo các cấp độ khác nhau. Thành nhà Hồ là di tích tiêu biểu cho kiến trúc thành lũy bằng đá thời Hồ; Phố cổ Hội An là đại diện điển hình cho đô thị thương cảng cổ ở Đông Nam Á.

#### *1.1.2.7. Tiêu chí 7*

Di tích phải được cộng đồng cư dân nơi di tích tồn tại thừa nhận, gìn giữ và tham gia bảo vệ. Cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể trực tiếp trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích thông qua các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng và lễ hội. Hiện nay tại các đình, đền làng vẫn được người dân địa phương duy trì lễ hội truyền thống hằng năm. Nhiều di tích thờ danh nhân được cộng đồng chăm lo hương khói và bảo vệ qua nhiều thế hệ.

“Đền Vực Vông là di tích thuộc khu Di tích Lịch sử - Văn hóa Cố đô Hoa Lư” [26]. Quần thể DTLSVH Cố đô Hoa Lư đã được nhà nước công nhận và quản lý chính thức theo pháp luật di sản văn hóa thông qua Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Cố đô Hoa Lư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu DTLSVH Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Quy định này không trực tiếp gọi tên công nhận di tích, nhưng thiết lập cơ sở pháp lý quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử – văn hóa Cố đô Hoa Lư theo Luật Di sản văn hóa, đồng thời là văn bản quan trọng trong quá trình hoàn thiện hồ sơ và quản lý di tích.

Theo thông tin từ các tài liệu nghiên cứu văn hóa, khu di tích được xếp hạng là DTLSVH quốc gia từ thời điểm khá sớm (tư liệu cho biết từ năm 1962) và được nâng cấp thành di tích quốc gia đặc biệt bởi quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng Cố đô Hoa Lư là DTLSVH quốc gia đặc biệt. Văn bản này công nhận Cố đô Hoa Lư thuộc nhóm di tích có giá trị hết sức đặc biệt về lịch sử, văn hóa và kiến trúc, phù hợp với các quy định của Luật Di sản văn hóa.

### **1.1.3. Giá trị của hệ thống di tích lịch sử - văn hoá Việt Nam**

#### *1.1.3.1. Giá trị tự nhiên, cảnh quan*

Hệ thống DTLSVH Việt Nam là sự kết tinh hài hòa giữa các giá trị văn hóa và giá trị tự nhiên, phản ánh mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người với môi trường sống trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc..

Về giá trị tự nhiên, phần lớn các DTLSVH Việt Nam được hình thành và tồn tại trong những điều kiện tự nhiên đặc thù, gắn liền với núi non, sông nước, đồng bằng, biển đảo. Nhiều di tích tọa lạc ở những vị trí có địa thế phong thủy thuận lợi như “tựa sơn, hướng thủy”, phản ánh tư duy chọn đất và triết lý sống hài hòa với thiên nhiên của cha ông. Các yếu tố tự nhiên như núi đá, hang động, sông suối, thảm thực vật không chỉ tạo nên môi trường sinh thái đa dạng mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, duy trì sự bền vững của di tích qua thời gian.

Về giá trị không gian, các DTLSVH thường được tổ chức trong một chỉnh thể không gian thống nhất, kết nối giữa công trình kiến trúc, cảnh quan tự nhiên và khu dân cư xung quanh. Không gian di tích không đơn thuần là nơi lưu giữ dấu tích lịch sử mà còn là không gian sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng. Sự phân bố di tích theo trục không gian, theo làng xã, theo vùng văn hóa đã tạo nên mạng lưới di sản liên hoàn, góp phần định hình cấu trúc không gian văn hóa truyền thống của người Việt.

Về giá trị cảnh quan, hệ thống DTLSVH Việt Nam tạo nên những cảnh quan đặc sắc, mang tính thẩm mỹ cao và giàu giá trị biểu tượng. Sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc di tích với thiên nhiên xung quanh như cây cổ thụ, hồ nước, ruộng đồng, núi non đã hình thành những không gian cảnh quan vừa linh thiêng,

vừa thơ mộng. Nhiều di tích trở thành điểm nhấn cảnh quan của vùng, góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và sức hấp dẫn của lãnh thổ, đặc biệt trong phát triển du lịch văn hóa – sinh thái.

Giá trị tự nhiên, không gian, cảnh quan và môi trường của hệ thống DTLSVH Việt Nam là một bộ phận hữu cơ, không thể tách rời trong tổng thể giá trị di sản dân tộc. Việc nhận diện và phát huy những giá trị này không chỉ góp phần bảo tồn di tích một cách bền vững mà còn tạo nền tảng quan trọng cho phát triển văn hóa, du lịch và bảo vệ môi trường trong bối cảnh hiện nay.

#### *1.1.3.2. Giá trị lịch sử*

Hệ thống DTLSVH Việt Nam không chỉ là những cấu trúc vật chất tồn tại qua thời gian, mà còn là hệ thống ký ức dân tộc được vật chất hóa. Đây là những chứng tích trung thực, khách quan nhất về tiến trình dựng nước và giữ nước, phản ánh bản lĩnh và trí tuệ của con người Việt Nam qua các thời kỳ. DTLSVH biểu hiện sự tiếp nối lịch sử lâu dài của đất nước, phản ánh những biến động chính trị – xã hội, những dấu ấn mạnh mẽ về cuộc sống, tư tưởng, truyền thống văn hoá của các thế hệ người Việt Nam từ thời tiền sử đến hiện đại.

Trong khoa học lịch sử, di tích được coi là loại hình sử liệu vật thật có giá trị cao nhất vì tính trực quan và không thể xuyên tạc. Trên thực tế, hệ thống di tích trải dài từ các khu khảo cổ tiền sử, như các hang động – nơi cư trú sớm nhất của người Việt cổ, đến các thành quách thời phong kiến như Hoàng thành Thăng Long hay các kinh đô cổ như Cố đô Huế, phản ánh sâu sắc các giai đoạn lịch sử của đất nước – từ thời dựng nước cho đến thời kỳ mở mang, giao lưu quốc tế và hiện đại hoá. Những di tích này không chỉ là các công trình kiến trúc thuần túy mà còn là nguồn tư liệu vô giá giúp các thế hệ nghiên cứu, tái hiện và hiểu sâu hơn về các diễn biến lịch sử quan trọng của Việt Nam.

Hệ thống di tích Việt Nam thể hiện sự tiếp nối không đứt quãng của các dòng chảy văn hóa, từ văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo cho đến văn hóa Đại Việt. Điều này thể hiện giá trị lịch sử có giá trị về sự liên tục trong văn hoá và bản sắc dân tộc. Theo Luật Di sản Văn hóa (2001, sửa đổi 2009) và tinh thần của Luật Di sản Văn hóa 2024 (có hiệu lực từ 1/7/2025), di sản văn hóa được khẳng định

rằng “*Tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò quan trọng trong việc giáo dục truyền thống, thiết lập mối quan hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai*” [17,18,19].

Hệ thống DTLSVH Việt Nam là sợi dây bền chặt gắn kết các thế hệ. Đúng như tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) đã khẳng định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Việc bảo vệ di tích không chỉ là bảo vệ những hiện vật, mà là bảo vệ cái hồn của dân tộc, đảm bảo rằng trong dòng chảy toàn cầu hóa, Việt Nam vẫn giữ vững được bản sắc riêng biệt và đầy tự hào của mình.

#### *1.1.3.3. Giá trị tâm linh*

Hệ thống DTLSVH Việt Nam không chỉ lưu giữ những dấu tích vật thể của lịch sử, mà còn là kho tàng giàu có về giá trị tâm linh và tinh thần, phản ánh chiều sâu tâm thức, niềm tin, các nghi lễ, quan niệm sống và hệ giá trị tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam từ thời tiền sử tới hiện đại.

Trong tâm thức người Việt, di tích không phải là những bảo tàng tĩnh lặng, mà là những không gian sống động, nơi con người tìm thấy sự an ủi và định hướng tâm linh, là nơi giao thoa giữa Người và Thần. Mỗi di tích là một thực thể linh thiêng, thờ phụng những vị thần có công với dân, với nước. Việc đến với di tích là một hành trình “hướng nội”, tìm về sự bình an trong tâm hồn. Ngoài ra, giá trị tinh thần của di tích còn thể hiện qua những trải nghiệm tâm linh và giáo dục giá trị sống, giúp con người nhận thức rõ hơn về cội nguồn văn hoá, lịch sử của dân tộc và nuôi dưỡng những giá trị đạo đức, nhân văn.

Di tích gắn với các vị thần linh, anh hùng lịch sử hay các nhân vật có công với đất nước không chỉ là biểu hiện của tín ngưỡng mà còn thể hiện truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” sâu sắc của người Việt. Trong một xã hội công nghiệp đầy áp lực, giá trị tinh thần của di tích càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Lễ hội tại các di tích là phương thức giúp cộng đồng giải tỏa những dồn nén tinh thần. Niềm tin chung vào sự linh thiêng của một ngôi đền hay một vị thần giúp xóa nhòa khoảng cách cá nhân, tạo nên một khối liên kết tinh thần bền chặt giữa những người cùng đức tin và cùng nguồn cội.

Giá trị tâm linh và tinh thần của hệ thống DTLSVH Việt Nam không chỉ là sản phẩm của quá khứ mà còn là chất keo kết nối thế hệ, hình thành bản sắc văn hoá sâu sắc và bền vững. Những giá trị này phản ánh niềm tin, đạo lý và triết lý sống đặc trưng của người Việt, đồng thời góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của xã hội đương đại.

#### *1.1.3.4. Giá trị văn hoá – nghệ thuật*

Hệ thống DTLSVH Việt Nam là một tài sản tinh thần và nghệ thuật vô giá, phản ánh chiều sâu văn hoá, tư tưởng thẩm mỹ, trình độ sáng tạo nghệ thuật của nhiều thế hệ người Việt Nam. Không chỉ là những dấu ấn vật chất của lịch sử, các di tích này còn là nơi lưu giữ những giá trị thẩm mỹ – nghệ thuật độc đáo, phản ánh sự giao thoa của các yếu tố văn hoá bản địa với quốc tế, cũng như những đặc trưng về mỹ thuật truyền thống và sáng tạo nghệ thuật đương đại.

Theo Luật Di sản văn hoá Việt Nam (số 45/2024/QH15), DTLSVH bao gồm những quần thể công trình kiến trúc hoặc kiến trúc đơn lẻ mang giá trị tiêu biểu về kiến trúc và nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử. Quy định này khẳng định rõ ràng di tích không chỉ có giá trị lịch sử mà còn là tác phẩm nghệ thuật điển hình phản ánh trình độ thẩm mỹ và kỹ thuật xây dựng truyền thống của các cộng đồng cư dân qua thời gian.

Mỗi di tích là một tác phẩm nghệ thuật tổng hòa giữa tư duy không gian và kỹ nghệ chế tác vật liệu. Từ vẻ đẹp tôn nghiêm, chuẩn mực của kiến trúc cung đình Huế, sự cổ kính, mộc mạc của đình làng Bắc Bộ đến vẻ kỳ vĩ, huyền bí của hệ thống tháp Chăm tại miền Trung. GS. Trần Ngọc Thêm trong Cơ sở Văn hóa Việt Nam đã nhận định về sự hòa quyện giữa nghệ thuật và triết lý “*Kiến trúc di tích Việt Nam không hướng tới sự đồ sộ lấn át con người mà hướng tới sự hài hòa tuyệt đối với thiên nhiên. Đó là một thứ nghệ thuật ‘vừa vặn’, nơi mỗi đường cong của mái đình hay chi tiết chạm nổi đều mang hơi thở của triết lý âm dương ngũ hành*” [24]. Điều này khẳng định những giá trị văn hoá – nghệ thuật là bằng chứng sống cho sự phát triển sáng tạo nghệ thuật dân tộc qua từng thời kỳ, tạo nên phong cách thẩm mỹ truyền thống đặc trưng của từng vùng miền.

Giá trị văn hoá – nghệ thuật của hệ thống di tích lịch sử – văn hoá Việt Nam là sự tổng hoà của các thành tố kiến trúc, mỹ thuật, tín ngưỡng, lễ hội và truyền thống sáng tạo. Đây là những giá trị không chỉ có tính lịch sử mà còn mang tính sống động, góp phần định hình và tiếp nối văn hoá dân tộc, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho phát triển văn hoá – nghệ thuật bền vững trong tương lai.

#### *1.1.3.5. Giá trị kinh tế - xã hội*

Hệ thống DTLSVH Việt Nam không chỉ đại diện cho những giá trị lịch sử, văn hoá và nghệ thuật mà còn là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững của đất nước. Các di tích, đặc biệt là các di sản được UNESCO công nhận và những khu di tích quốc gia, đã trở thành điểm nhấn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương và đóng góp quan trọng vào ngân sách của địa phương và quốc gia. Nhờ đó, di sản văn hoá trở thành động lực phát triển kinh tế – xã hội, gắn kết giữa bảo tồn và phát triển bền vững.

DTLSVH là thành tố cốt lõi tạo nên sự hấp dẫn và khác biệt cho ngành du lịch Việt Nam. Việc phát triển du lịch di sản giúp chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại chỗ, tạo ra hàng triệu việc làm cho người dân địa phương thông qua các mô hình du lịch cộng đồng, sản xuất quà lưu niệm và dịch vụ lữ hành.

Giá trị kinh tế – xã hội của DTLSVH Việt Nam là vô cùng to lớn và đa chiều. Di sản không chỉ là điểm đến văn hoá – lịch sử mà còn là nguồn lực kinh tế chiến lược, thúc đẩy phát triển du lịch, tạo việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân, bảo tồn bản sắc văn hoá và góp phần phát triển xã hội bền vững. Vì vậy, việc bảo tồn, nghiên cứu và phát huy các giá trị di tích không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hoá mà còn là động lực phát triển kinh tế – xã hội của cả nước trong thế kỷ XXI và xa hơn nữa.

#### **1.1.4. Vai trò của hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trong sự phát triển du lịch Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia có bề dày lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, với nền văn hoá đa dạng, giàu bản sắc. Trải qua các thời kỳ lịch sử, dân tộc Việt Nam đã hình thành nên một hệ thống DTLSVH phong phú, phân bố rộng

khắp trên cả nước. Hệ thống di tích này không chỉ mang giá trị to lớn về lịch sử, văn hoá, khoa học và giáo dục mà còn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam hiện nay.

Hệ thống DTLSVH là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn cốt lõi, tạo nên sức hấp dẫn đặc thù cho du lịch Việt Nam. Các di tích như cố đô Hoa Lư, Hoàng thành Thăng Long, quần thể di tích Cố đô Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn hay hệ thống đền, chùa, đình, miếu trên cả nước là những “chứng nhân lịch sử”, phản ánh sinh động tiến trình phát triển của dân tộc. Đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế, việc tham quan di tích không chỉ nhằm ngắm nhìn cảnh quan hay kiến trúc mà còn là hành trình khám phá lịch sử, tìm hiểu giá trị văn hoá, tín ngưỡng và lối sống của người Việt. Chính điều này tạo nên sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho du lịch Việt Nam so với nhiều quốc gia khác.

Các DTLSVH đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành và phát triển các loại hình du lịch đặc thù. Du lịch văn hoá, du lịch tâm linh, du lịch về nguồn... đều gắn chặt với hệ thống di tích. Thực tế cho thấy, nhiều điểm đến nổi tiếng của Việt Nam được xây dựng và phát triển dựa trên giá trị di tích, như du lịch tâm linh tại chùa Hương, Yên Tử, Bái Đính; du lịch lễ hội gắn với các di tích lịch sử như lễ hội Cố đô Hoa Lư, lễ hội Đền Hùng; hay du lịch di sản tại các di tích được UNESCO công nhận. Các loại hình du lịch này không chỉ đáp ứng nhu cầu tham quan, chiêm bái, trải nghiệm văn hoá của du khách mà còn góp phần kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng chi tiêu và nâng cao hiệu quả kinh tế du lịch.

Hệ thống DTLSVH giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển du lịch Việt Nam, vừa là nguồn tài nguyên quý giá, vừa là nền tảng để hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và quảng bá hình ảnh đất nước. Việc nhận thức đúng và khai thác hiệu quả vai trò của hệ thống di tích sẽ là yếu tố then chốt để du lịch Việt Nam phát triển theo hướng bền vững và giàu bản sắc văn hoá.

## **1.2. Khái quát phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình**

### **1.2.1. Điều kiện tự nhiên**

Phường Tây Hoa Lư là một đơn vị hành chính thuộc tỉnh Ninh Bình, được hình thành trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, phường theo chủ trương của Nhà nước, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Phường Tây Hoa Lư được thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Ninh Giang, xã Trường Yên và xã Ninh Hòa thuộc thành phố Hoa Lư, xã Phúc Sơn thuộc huyện Nho Quan, xã Gia Sinh và một phần diện tích tự nhiên là 0,45 km<sup>2</sup>. Phường nằm ở khu vực phía tây của trung tâm tỉnh Ninh Bình, giữ vị trí quan trọng trong không gian phát triển đô thị di sản, văn hóa và du lịch của địa phương.

Phường Tây Hoa Lư có tổng diện tích tự nhiên là 84,96 km<sup>2</sup> sau khi được thành lập. Đây là một trong những phường có diện tích lớn nhất tỉnh Ninh Bình, vượt xa so với diện tích trung bình của các phường khác trong tỉnh. Đây là khu vực nằm trong vùng lõi và vùng đệm của nhiều di tích lịch sử – văn hóa và danh thắng nổi tiếng, tiêu biểu như Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính và Quần thể danh thắng Tràng An – Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới.

Về ranh giới hành chính, phường Tây Hoa Lư có vị trí tiếp giáp tương đối thuận lợi: phía Đông giáp các phường trung tâm của thành phố Hoa Lư; phía Tây giáp các xã miền núi thuộc khu vực giáp ranh huyện Nho Quan; phía Nam giáp các phường, xã thuộc khu vực đô thị mở rộng; phía Bắc giáp các xã của huyện Gia Viễn và một phần ranh giới liên tỉnh. Vị trí này tạo điều kiện thuận lợi cho phường trong việc kết nối giao thông, giao lưu kinh tế – văn hóa và mở rộng không gian phát triển. Nhờ vị trí địa lý đặc biệt này, phường Tây Hoa Lư không chỉ giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị của tỉnh Ninh Bình mà còn là không gian kết nối giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế – xã hội.

Về địa hình, phường Tây Hoa Lư có địa hình tương đối phức tạp, đan xen giữa vùng đồng bằng thấp và các dãy núi đá vôi đặc trưng của Ninh Bình. Địa hình núi đá vôi phân bố xen kẽ với ruộng đồng, ao hồ và các thung lũng nhỏ, tạo nên không gian khép kín, thuận lợi cho cư trú, sản xuất nông nghiệp và phòng thủ quân sự trong lịch sử. Chính đặc điểm địa hình này đã góp phần quan trọng vào việc lựa chọn Hoa Lư làm kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt thế kỷ X.

Về địa chất, khu vực phường Tây Hoa Lư chịu ảnh hưởng rõ nét của hệ thống núi đá vôi hình thành qua hàng triệu năm, với nhiều dạng địa hình karst như núi đơn, núi cụm, thung lũng ngập nước và hang động. Địa chất đá vôi không chỉ tạo nên cảnh quan độc đáo mà còn là nền tảng cho sự hình thành các di tích lịch sử – văn hoá, đền, chùa gắn với núi và hang động, đồng thời góp phần phát triển du lịch sinh thái – văn hoá.

Về khí hậu, phường Tây Hoa Lư nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có bốn mùa tương đối rõ rệt. Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều; mùa đông lạnh và ít mưa; mùa xuân và mùa thu khí hậu ôn hoà, dễ chịu. Điều kiện khí hậu này thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước, đồng thời phù hợp với các hoạt động tham quan, du lịch quanh năm, nhất là du lịch văn hoá – lễ hội.

Về thuỷ văn, phường Tây Hoa Lư có hệ thống sông ngòi, ao hồ và các vùng trũng tự nhiên phân bố rải rác, chịu ảnh hưởng của hệ thống sông Hoàng Long và các nhánh sông nội đồng. Nguồn nước mặt khá phong phú, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Các vùng đầm, hồ và thung nước còn góp phần điều hoà khí hậu và tạo cảnh quan sinh thái đặc trưng.

Về tài nguyên thiên nhiên, tuy không có nhiều tài nguyên khoáng sản lớn, song phường Tây Hoa Lư lại có lợi thế nổi bật về tài nguyên cảnh quan và tài nguyên du lịch tự nhiên. Sự kết hợp hài hoà giữa núi đá vôi, đồng ruộng, sông nước và hệ thống DTLSVH tạo nên một không gian đặc sắc, giàu tiềm năng phát triển du lịch văn hoá, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm cộng đồng.

Điều kiện tự nhiên của phường Tây Hoa Lư vừa mang tính đa dạng, vừa có sự gắn kết chặt chẽ với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Cố đô Hoa Lư. Những đặc điểm về địa hình, địa chất, khí hậu và cảnh quan tự nhiên không chỉ ảnh hưởng đến đời sống kinh tế – xã hội của cư dân địa phương mà còn tạo nền tảng quan trọng cho việc bảo tồn DTLSVH và phát triển du lịch bền vững trên địa bàn phường.

### **1.2.2. Điều kiện kinh tế- xã hội**

#### ***1.2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển***

Phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là đơn vị hành chính mới được hình thành trong bối cảnh thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo không gian phát triển mới cho các địa phương. Phường chính thức được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2025, trên cơ sở sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính của nhiều xã, phường thuộc thành phố Hoa Lư và các huyện lân cận.

Trước khi hình thành phường Tây Hoa Lư, khu vực này vốn là không gian cư trú lâu đời của cư dân Việt cổ, gắn liền với vùng đất Cố đô Hoa Lư – kinh đô đầu tiên của Nhà nước phong kiến tập quyền Việt Nam (thế kỷ X). Trong suốt chiều dài lịch sử, vùng đất này vừa là trung tâm chính trị – quân sự quan trọng, vừa là không gian văn hóa – tín ngưỡng đặc sắc, nơi lưu giữ hệ thống di tích lịch sử – văn hóa phong phú, phản ánh tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Qua các thời kỳ lịch sử phong kiến, thuộc địa, cách mạng và kháng chiến, khu vực nay thuộc phường Tây Hoa Lư luôn giữ vai trò quan trọng về quốc phòng, văn hóa và sinh hoạt cộng đồng, với mạng lưới làng xã truyền thống ổn định, gắn bó chặt chẽ với các thiết chế văn hóa làng như đình, đền, chùa, miếu và lễ hội dân gian. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân địa phương đã có nhiều đóng góp về sức người, sức của, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.

Bước vào thời kỳ đổi mới và phát triển, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI, khu vực Tây Hoa Lư từng bước chuyển mình mạnh mẽ cùng với sự phát triển chung của tỉnh Ninh Bình. Hạ tầng kinh tế – xã hội được đầu tư đồng bộ hơn; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Đặc biệt, việc xác định Ninh Bình là trung tâm du lịch văn hóa – lịch sử – sinh thái của vùng Đồng bằng sông Hồng đã tạo động lực quan trọng để khu vực này phát huy các giá trị di sản, gắn bảo tồn với phát triển bền vững.

Việc thành lập phường Tây Hoa Lư đánh dấu một bước ngoặt mới trong tiến trình phát triển của địa phương, chuyển đổi từ mô hình quản lý phân tán theo đơn vị xã, phường nhỏ lẻ sang mô hình đô thị – di sản có quy mô lớn, thống nhất.

Phường Tây Hoa Lư ngày nay vừa kế thừa truyền thống lịch sử – văn hóa lâu đời của vùng đất Cố đô, vừa mang diện mạo mới của một không gian đô thị di sản năng động, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, du lịch và bảo tồn di tích của tỉnh Ninh Bình giai đoạn hiện nay và tương lai.

#### *1.2.2.2. Điều kiện kinh tế*

Phường Tây Hoa Lư là đơn vị hành chính mới của tỉnh Ninh Bình, được hình thành trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới. Với diện tích tự nhiên rộng, dân số đông và vị trí nằm trong không gian di sản Cố đô Hoa Lư, phường Tây Hoa Lư có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội theo hướng bền vững.

Về điều kiện kinh tế, cơ cấu kinh tế của phường Tây Hoa Lư đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ – du lịch, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp truyền thống. Trong đó, du lịch – dịch vụ được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, dựa trên lợi thế nổi bật về di sản lịch sử – văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và hệ thống di tích nổi tiếng như khu vực Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính và nhiều di tích lịch sử – văn hóa khác. Hoạt động du lịch phát triển đã thúc đẩy các loại hình dịch vụ đi kèm như lưu trú, ăn uống, vận chuyển, hướng dẫn du lịch, thương mại và các sản phẩm thủ công truyền thống, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Về điều kiện xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân phường Tây Hoa Lư ngày càng được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người có xu hướng tăng qua các năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội như giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa và các thiết chế văn hóa – thể thao được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Nhìn chung, điều kiện kinh tế – xã hội của phường Tây Hoa Lư đang có những bước phát triển tích cực, với cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao và hệ thống hạ tầng xã hội ngày càng

hoàn thiện. Đây là nền tảng quan trọng để phường Tây Hoa Lư tiếp tục phát triển theo định hướng đô thị di sản – sinh thái – hiện đại trong thời gian tới.

#### *1.2.2.3. Đặc điểm dân cư, truyền thống văn hóa.*

Trong quá trình phát triển, phường Tây Hoa Lư đã hình thành cộng đồng dân cư ổn định, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa kinh đô cổ.

Về đặc điểm dân cư, cư dân phường Tây Hoa Lư chủ yếu là người Kinh, sinh sống lâu đời, có sự kế tục liên tục qua nhiều thế hệ. Cơ cấu dân cư tương đối ổn định, mật độ dân số ở mức trung bình, phân bố tập trung theo các khu dân cư truyền thống gắn với làng xóm cũ và các trục giao thông chính. Tổng dân số của phường Tây Hoa Lư sau khi được thành lập (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) là khoảng 46.648 người. Trình độ dân trí của người dân ngày càng được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng cải thiện nhờ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa ngành nghề. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp truyền thống, nhiều hộ dân đã tham gia các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch, đặc biệt là các loại hình dịch vụ phục vụ tham quan di tích lịch sử – văn hóa, tín ngưỡng và lễ hội.

Về truyền thống văn hóa, phường Tây Hoa Lư là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc. Các di tích lịch sử – văn hóa, đình, đền, miếu gắn với tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, các nhân vật lịch sử và những bậc tiền nhân có công với đất nước được cộng đồng cư dân trân trọng bảo tồn. Hoạt động tín ngưỡng dân gian, thờ cúng tổ tiên và sinh hoạt lễ hội truyền thống giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân địa phương.

Đặc điểm dân cư ổn định cùng với truyền thống văn hóa lâu đời là nền tảng quan trọng góp phần định hình bản sắc văn hóa phường Tây Hoa Lư, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong giai đoạn mới.

#### **1.2.3. Tiềm năng phát triển du lịch phường Tây Hoa Lư**

Phường Tây Hoa Lư, thuộc thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập nhiều đơn vị hành chính, với diện tích

tự nhiên rộng lớn có tổng dân số là 46.648 người, tạo thành một đơn vị hành chính có quy mô lớn nhất tỉnh, hội tụ nhiều lợi thế về địa lý, lịch sử, văn hóa và con người để phát triển du lịch bền vững.

Nơi đây là vùng lõi của Cố đô Hoa Lư – trung tâm chính trị, văn hóa của Đại Cồ Việt dưới các triều đại Đinh – Tiền Lê – Tiền Lý, với nhiều di tích lịch sử quan trọng như Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, hệ thống đền miếu liên quan đến các vị vua và anh hùng lịch sử. Những di tích này không chỉ có giá trị lịch sử – văn hóa mà còn là tài nguyên quý để phát triển các sản phẩm du lịch di sản, du lịch giáo dục, tâm linh và trải nghiệm lịch sử.

Cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng đa dạng địa hình đan xen giữa đồng bằng và đồi núi thấp, nhiều cảnh quan tự nhiên đẹp, phù hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nông nghiệp trải nghiệm, du lịch cộng đồng. Cộng đồng văn hóa đa dạng, gồm các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống mang đặc trưng của vùng Tràng An – kinh đô xưa.

Giao thông và liên kết vùng là lợi thế, khu vực nằm gần các trục giao thông chính như Quốc lộ 1A và kết nối thuận tiện với trung tâm thành phố Ninh Bình và hệ thống các điểm du lịch nổi tiếng khác như Quần thể danh thắng Tràng An – Di sản thiên nhiên và văn hóa thế giới, Tam Cốc – Bích Động, chùa Bái Đính... tạo điều kiện thuận lợi thu hút du khách từ khắp nơi. Sự liên kết vùng này giúp Tây Hoa Lư có điều kiện tham gia sâu vào mạng lưới du lịch của tỉnh và khu vực, góp phần thu hút và phân luồng khách du lịch hiệu quả.

Địa phương đã hình thành nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, như: Du lịch di sản văn hóa – lịch sử tại di tích Cố đô Hoa Lư; Du lịch tâm linh – tín ngưỡng gắn với hệ thống đền chùa; Du lịch nông nghiệp sinh thái và trải nghiệm làng nghề, homestay cộng đồng; nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của khách. Sự phát triển đa dạng, đặc sắc của các loại hình du lịch có ý nghĩa đặc biệt với khu vực, đó là nền tảng, là cơ sở và là động lực phát huy quan trọng trong ngành du lịch của phường Tây Hoa Lư.

## **Tiểu kết chương 1**

Chương 1 đã tập trung làm rõ những cơ sở lý luận chung và thực tiễn đây là nền tảng cho việc nghiên cứu, khai thác và phát huy giá trị DTLSVH gắn với phát triển du lịch.

Trên cơ sở tiếp cận lý luận, chương đã hệ thống hóa các khái niệm cơ bản về DTLSVH, làm rõ các tiêu chí xác định di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa, đồng thời phân tích những giá trị to lớn của hệ thống DTLSVH Việt Nam trên các phương diện lịch sử, văn hóa, khoa học, giáo dục và kinh tế – xã hội. Qua đó, vai trò quan trọng của DTLSVH trong sự phát triển du lịch Việt Nam được khẳng định, không chỉ là nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt mà còn là yếu tố cốt lõi góp phần hình thành bản sắc, nâng cao sức hấp dẫn và tính bền vững của hoạt động du lịch.

Bên cạnh cơ sở lý luận, chương 1 cũng đã khái quát những nét cơ bản về phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình – địa bàn nghiên cứu của đề tài. Điều này cho thấy phường Tây Hoa Lư là vùng đất có bề dày lịch sử, giàu giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời sở hữu nhiều lợi thế nổi trội về tài nguyên di sản và cảnh quan. Những tiềm năng đó tạo cơ sở thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch di sản, du lịch văn hóa – lịch sử, du lịch tâm linh và du lịch cộng đồng. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề tài tiếp tục đi sâu nghiên cứu trong các chương tiếp theo, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

## **Chương 2:**

# **THỰC TRẠNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HOÁ CỦA DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH**

## **2.1. Khái quát về di tích Đền Vực Vông**

### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Đền Vực Vông**

Đền Vực Vông là một trong những DTLSVH và tín ngưỡng tiêu biểu của vùng đất Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Không chỉ mang giá trị tâm linh sâu sắc, ngôi đền còn gắn liền với một nhân vật lịch sử, truyền thuyết đặc biệt, phản ánh sinh động đời sống xã hội, tư tưởng và tín ngưỡng của cư dân vùng châu thổ sông Hồng trong nhiều thế kỷ.

Đền Vực Vông phường Tây Hoa Lư tỉnh Ninh Bình có từ thế kỷ thứ 16. Đền nằm trong quần thể di tích lịch sử cố đô Hoa Lư. Đền thờ thái bảo Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê cùng thái bảo mỹ quận công phu nhân Nguyễn Thị Niên "Bà chúa Vực Vông".

Tương truyền rằng, đền Vực Vông có tên như thế là vì ngôi đền nằm cạnh một “vực” nước xoáy sâu trên sông Hoàng Long. Trong tiếng địa phương, “vực” nghĩa là chỗ nước sâu, còn “vông” được hiểu là vùng xoáy rộng và mạnh. Vì vậy người dân xưa gọi nơi này là “Vực Vông”, rồi ngôi đền bên cạnh cũng mang tên đó.

Ngày xưa, tại khúc sông Hoàng Long đoạn qua phường Tây Hoa Lư ngày nay, có một vực xoáy sâu hoắm, hung dữ gọi là Vực Vông. Quanh năm suốt tháng, thuyền bè qua đây đều bị lật nhào, người chết đuối không kể xiết. Trong dân gian bấy giờ đồn đại rằng dưới vực có thường luồng quỷ phá, muốn yên ổn thì mỗi năm làng phải hiến tế một cô gái trẻ ném xuống dòng nước xiết. Hủ tục tàn nhẫn ấy cứ thế kéo dài, gieo rắc nỗi tang thương khắp vùng.

Lúc bấy giờ, tiểu thư Nguyễn Thị Niên - con gái danh tướng Nguyễn Quyện nhà Mạc - là một bậc kỳ nữ văn võ song toàn, dung hạnh vẹn toàn. Sắc đẹp và tài năng của nàng khiến hai vị Quận công là Quận Mỹ (Bùi Văn Khuê) và Quận Kế (Phan Văn Ngạn) đều mê mẩn, cùng đem lễ vật đến cầu hôn. Thấu nỗi đau khổ của dân lành, nàng liền ra điều kiện: “Ai trị được dòng nước dữ, phá bỏ được vực xoáy Vực Vông để cứu dân, ta sẽ nguyện nâng khăn sửa túi cho người đó” Trong

khi Quận Kế cậy quyền cậy thế, bất lực trước thiên nhiên thì Quận Mỹ lại không quản ngại hiểm nguy. Ông tự mình lặn xuống đáy vực sâu, tìm ra nguyên nhân do các rạn đá ngầm tạo thành dòng xoáy đối lưu. Quận Mỹ liền đốc thúc binh sĩ xẻ núi, khuôn đá lấp bớt dòng chảy. Vực dữ được thuần hóa, dòng sông phẳng lặng trở lại, hủ tục hiến tế người sống chính thức được xóa bỏ. Cảm phục trước cái tài cái đức ấy, Nguyễn Thị Niên giữ lời hứa, kết duyên cùng Quận Mỹ trong niềm hoan hỉ của xóm làng.

Thái bảo mỹ quận công Bùi Văn Khuê sinh năm Bính Ngọ (1546). Người làng Chi Phong - xã Trường Yên - huyện Hoa Lư -tỉnh Ninh Bình, là con của tiên sinh Tiến Sĩ Bùi Hoảng. Nguồn gốc là hậu duệ đời thứ 7 Lê Thái Tổ (Lê Lợi). Lớn lên ông được cha cho theo học trường Quốc Tử Giám và tập luyện võ nghệ, thủy quân xứ Hưng Hóa.

Cùng khóa học với ông tại trường Quốc Tử Giám có người con gái được “đặc cách” vào học cùng trường đó là bà Nguyễn Thị Niên, người con gái thứ 2 của Lưu Quận Công Nguyễn Quyền ở làng Canh Hoạch - xã Dân Hòa- huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Lưu Quận Công Nguyễn Quyền làm quan cùng thời với tiên sinh Tiến Sĩ Bùi Hoảng.

Vào năm Giáp Tý (1564), ông Bùi Văn Khuê kết duyên cùng bà Nguyễn Thị Niên và sinh được ba người con trai tài giỏi. Khi trưởng thành, cả ba anh em đều đồng lòng theo phò tá nhà Lê trong công cuộc trung hưng đất nước. Nhờ những đóng góp to lớn, họ được vua Lê phong tước vị và giao phó trọng trách trấn giữ các vùng đất hiểm yếu. Trong đó, người con cả là Lễ quận công Bùi Thời Trung chỉ huy binh sĩ trấn thủ vùng Sơn Nam; Người con thứ là Nghị quận công Bùi Khắc Kiêm nhận nhiệm vụ lãnh đạo đội quân hậu vệ; Người con út là Nhai quận công Bùi Văn Nguyên thì cùng cha cai quản, thống lĩnh dân binh ở phủ Trường Yên (thuộc Ninh Bình ngày nay) để chuẩn bị dõ toàn lực tiến quân ra Thăng Long đánh nhà Mạc.

Thế nhưng, giữa lúc sự nghiệp của gia đình họ Bùi đang hiển hách thì tai họa ập đến từ sự lòng đố kỵ bè phái. Bấy giờ, Kế Quận Công Phan Văn Ngạn là bạn đồng liêu cùng triều với Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê. Hắn vốn là kẻ đa

mưu, giáo hoạt, luôn đem lòng ghen ghét trước tài năng và uy tín của ông Bùi Văn Khuê. Không chỉ vậy, Phan Văn Ngạn còn say đắm nhan sắc lộng lẫy của bà Nguyễn Thị Niên. Để vừa trừ khử được đối thủ, vừa chiếm đoạt được người bấy lâu thầm thương trộm nhớ, Kế Quận Công đã âm thầm vạch ra một âm mưu tàn độc. Hắn cho quân mai phục bất ngờ tại ngã ba An Viễn (vùng Gián Khẩu), ra tay sát hại dã man Mỹ Quận Công. Sau khi gây án, hắn lập tức phao tin đồn rằng Mỹ Quận Công do chủ quan, mất cảnh giác nên đã bị quân Mạc phục kích giết chết. Ngay sau đó, Phan Văn Ngạn giả vờ mang bộ mặt nhân từ đến phủ chia buồn với góa phụ Nguyễn Thị Niên, rồi thản nhiên ngỏ lời cầu hôn bà. Dù đau đớn tột cùng nhưng vốn là người phụ nữ thông tuệ, bà Nguyễn Thị Niên đã sớm thấu suốt tâm địa bất nhân bất nghĩa và mưu đồ đen tối của kẻ thủ ác. Để không bứt dây động rừng, bà nén hận lòng, giả vờ ưng thuận lời cầu hôn. Bà khéo léo đưa ra điều kiện, hẹn hắn phải chờ đến khi bà lo liệu chu toàn lễ phục tang cho chồng xong xuôi thì mới tính đến chuyện đính ước, nhằm hoãn binh và chờ thời cơ trả thù nhà.

Bà hẹn Quận Kế vào một buổi tối trên thuyền trên sông Hoàng Long với điều kiện không mang theo vũ khí và quân hậu vệ, đúng hẹn Quận Kế đến rồi một mình xuống chiếc thuyền nhỏ bơi ra giữa dòng sông nơi bà Quận Mỹ đậu thuyền chờ đợi. Quận Kế đến, bà đón tiếp niềm nở và sau đó bà hô các thị nữ ra tiếp rượu. Lập tức gươm tuốt sáng, Quận Kế chưa chống đỡ đã đầu lìa khỏi xác. Bà sai quân tẩm dầu vào xác Quận Kế đốt làm đuốc và đưa đầu quận kế về lập đàn tế chồng, nên có câu truyền lại là “Chặt đầu Quận Kế tế Quận Mỹ”, tế chồng xong bà khuyên các con phải phụng thờ nhà Lê, rồi bà gieo mình xuống sông Hoàng Long tận tiết, hôm ấy là ngày 1 tháng chạp năm Canh Tý (1600).

Người dân kể rằng sau khi bà mất, thi thể của bà không trôi xuôi theo dòng nước mà lại trôi ngược về khu vực Vực Vòng – một vùng nước sâu và xoáy lớn bên sông Hoàng Long. Khi đến nơi này, thi thể bà dừng lại giữa vực nước. Dân làng cho rằng đó là điềm linh thiêng nên đã vớt lên, an táng và lập đền thờ ngay bên bờ sông để tưởng nhớ bà.

Nhà vua phong sắc bà là “Người phụ nữ - Trung - Trinh - Tiết - Phụ”, cho lập đền thờ ở làng Chi Phong - xã Trường Yên gọi là Đền Vực Vông trên bến sông Hoàng Long. Vua Tự Đức có thơ ca ngợi:

*Thù chồng căm giận kẻ vô lương  
Chiếc bóng tàn canh lệ mấy hàng  
Sông Gián nổi lên gươm tiết nghĩa  
Vực Vông gieo xuống gánh cương thường  
Một đóa tuyết trinh lòng tai chúa  
Ngàn thu để lại một tấm gương  
Hồi kẻ quân hồng qua lại đó  
Dừng chân ngắm cảnh để làm gương.*

Qua các triều đại vua, Thái Bảo Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê được phong 17 đạo sắc, Thái Bảo Mỹ Quận Công Phú Nhân được phong 3 đạo sắc, hiện còn lưu giữ ở đền Vực Vông.

Ngày nay, Đền Vực Vông không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân mà còn là điểm tham quan, du lịch của tỉnh Ninh Bình. Du khách đến đây không chỉ để dâng hương, cầu bình an mà còn để tìm hiểu về lịch sử, kiến trúc và những giá trị nhân văn sâu sắc được kết tinh trong ngôi đền. Trải qua hơn năm thế kỷ tồn tại, đền Vực Vông là minh chứng sinh động cho truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam, đồng thời thể hiện sự gắn bó bền chặt giữa lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng trong đời sống cộng đồng cư dân vùng Cố đô Hoa Lư.

### **2.1.2. Các giá trị lịch sử - văn hóa của di tích Đền Vực Vông**

#### *2.1.2.1. Giá trị cảnh quan, tự nhiên*

Đền Vực Vông không chỉ là một DTLSVH và tín ngưỡng quan trọng ở phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, mà còn sở hữu giá trị tự nhiên – cảnh quan đặc sắc gắn liền với môi trường địa lý và sinh thái của khu vực cố đô Hoa Lư. Không gian xung quanh đền có những đặc điểm cảnh quan và môi trường tạo nên sức hút riêng, góp phần làm nổi bật giá trị tổng thể của di tích trong hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên của vùng.

Mặc dù Đền Vực Vông nằm ở quy mô nhỏ hơn so với quần thể Tràng An, nhưng môi trường sinh thái xung quanh đền vẫn phản ánh rõ nét cảnh quan đặc trưng của Ninh Bình. Dưới chân đền là đất đồng bằng phù sa ven sông Hoàng Long, mở ra không gian thoáng đãng; phía xa là các khối núi đá vôi – yếu tố tạo nên cấu trúc cảnh quan độc đáo và nổi bật cho khu vực. Sự đa dạng này giúp cân bằng với khí hậu địa phương, giảm nhiệt độ vào mùa hè và tạo gió mát tự nhiên quanh khu vực đền, đặc biệt vào các tháng đầu năm khi nhiều lễ hội. Môi trường sông nước với dòng sông Hoàng Long không chỉ đóng vai trò phong thủy mà còn là nguồn nước và điểm nhấn cảnh quan quan trọng, tạo ra các dải cây xanh dọc bờ sông, thu hút các loài chim và động vật nhỏ, góp phần tăng thêm giá trị môi trường cho khu vực đền.

#### *2.1.2.2. Giá trị lịch sử*

Đền Vực Vông là một trong những DTLSVH tiêu biểu của phường Tây Hoa Lư, thành phố Ninh Bình. Nằm trong không gian văn hóa đặc biệt của Cố đô Hoa Lư, đền không chỉ là nơi thờ phụng các vị thần linh có công với dân, với nước mà còn là chứng tích quan trọng phản ánh tiến trình lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và đời sống xã hội của cư dân bản địa qua nhiều thế kỷ. Giá trị lịch sử của đền Vực Vông được thể hiện qua nhiều tầng lớp khác nhau, từ nguồn gốc hình thành, nhân vật được thờ tự đến vai trò của đền trong thiết chế làng xã truyền thống và mối liên hệ với lịch sử quốc gia.

Trước hết, xét về bối cảnh hình thành, Đền Vực Vông được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVI, trong bối cảnh nhà nước xã hội Đại Việt bước vào giai đoạn biến động mạnh mẽ dưới thời Lê – Mạc. Đây là thời kỳ mà quyền lực trung ương suy yếu, chiến tranh phong kiến kéo dài, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tại các vùng nông nghiệp phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên như khu vực ven sông Hoàng Long. Trong hoàn cảnh đó, nhu cầu tìm đến các chỗ dựa tinh thần, tín ngưỡng dân gian để cầu bình an, che chở và công bằng xã hội trở nên vô cùng mạnh mẽ. Sự ra đời của Đền Vực Vông phản ánh rõ tâm thức lịch sử của cư dân địa phương trước thiên tai, xã hội rối ren và những bất công trong đời sống phong kiến.

Giá trị lịch sử nổi bật của Đền Vực Vông gắn liền với nhân vật Nguyễn Thị Niên – một người phụ nữ được cho là sống vào thời nhà Mạc. Theo các truyền thuyết và thần tích địa phương, bà là người có học vấn, phẩm chất và khí tiết, phản ánh hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến trung đại. Dù mang yếu tố huyền thoại, câu chuyện về bà vẫn phần nào cho thấy bối cảnh lịch sử – xã hội đương thời, đặc biệt là những chuẩn mực đạo đức và vai trò của con người trong cộng đồng. Qua đó, di tích góp phần cung cấp tư liệu dân gian phục vụ nghiên cứu lịch sử và văn hóa địa phương.

Đền Vực Vông là một phần trong chuỗi di sản gắn với Cố đô Hoa Lư, đền có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu về lịch sử triều Đinh – Lê, là nơi giáo dục truyền thống lịch sử – văn hóa cho cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đặc biệt ngôi đền còn góp phần vào sự phát triển du lịch văn hóa – tâm linh của phường Tây Hoa Lư và tỉnh Ninh Bình.

#### *2.1.2.3. Giá trị tâm linh*

Đền Vực Vông không chỉ là một DTLSVH gắn với vùng đất Cố đô Hoa Lư mà còn là một không gian tâm linh tiêu biểu, nơi kết tinh những giá trị tinh thần sâu sắc của cộng đồng cư dân địa phương qua nhiều thế kỷ. Trong đời sống văn hóa truyền thống Việt Nam, các di tích thờ tự như Đền Vực Vông vừa là chốn linh thiêng để con người gửi gắm niềm tin, vừa là không gian bảo tồn và lan tỏa các giá trị đạo đức, nhân sinh và bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong cấu trúc tín ngưỡng dân gian, Đền Vực Vông mang đậm dấu ấn của tín ngưỡng thờ Mẫu, đặc biệt là yếu tố Mẫu Thoải – gắn với nước, sông ngòi và sự điều hòa thiên nhiên. Vị trí đền nằm bên sông Hoàng Long không chỉ có ý nghĩa phong thủy mà còn phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa con người và môi trường tự nhiên trong xã hội nông nghiệp truyền thống. Niềm tin vào Mẫu Thoải tại Đền Vực Vông thể hiện khát vọng chế ngự thiên tai, cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt và cuộc sống bình an. Từ đó, giá trị tâm linh của di tích gắn liền với ý thức sinh tồn và sự hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Đền Vực Vông hiện duy trì hai chu kỳ sinh hoạt tín ngưỡng thường niên, bao gồm lễ hội truyền thống vào tháng 3 âm lịch và lễ tưởng niệm Thái Bảo Mỹ

Quận Công phu nhân Nguyễn Thị Niên vào ngày mùng 1 tháng Chạp. Trong đó, lễ hội tháng 3 là hình thức lễ hội hoàn chỉnh với đầy đủ cấu trúc lễ – hội, còn lễ tháng Chạp mang tính chất giỗ kỵ, thiên về nghi lễ tưởng niệm hơn là sinh hoạt hội hè.

Hàng năm, cứ vào Rằm tháng 3 âm lịch hằng năm, nhân dân địa phương lại nô nức tổ chức lễ hội. Đây được xem là ngày chính hội, thu hút đông đảo nhân dân địa phương cũng như du khách thập phương đến dâng hương, chiêm bái và tham gia các hoạt động lễ hội. Ngoài ngày chính hội, vào những dịp đầu xuân năm mới, đền cũng là nơi người dân tìm đến cầu bình an, may mắn và đặc biệt là cầu duyên. Dân gian địa phương vẫn truyền miệng câu ca:

*“Tháng Ba thấy hội Vực Vông,  
Nhớ ơn Thánh Mẫu độ dân yên lành”*

Không gian lễ hội diễn ra tại khu vực đền Vực Vông, một ngôi đền cổ nằm bên dòng sông Hoàng Long. Theo truyền thuyết dân gian, nơi đây từng có một vùng nước xoáy sâu gọi là “vực vông”, gắn với nhiều câu chuyện huyền bí trong đời sống tâm linh của cư dân địa phương. Chính vì vậy, lễ hội không chỉ diễn ra trong khuôn viên đền mà còn gắn với cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hóa của cả khu vực.

### **Chương trình lễ hội đền Vực Vông (Năm 2026)**

Thời gian: Từ ngày 14 tháng 03 đến ngày 16 tháng 03 (Âm lịch)

#### **1. Ngày 14 tháng 3 (Âm lịch)**

\* Buổi sáng:

- Từ 6h đến 8h: Rước kiệu vông từ đền vào đình làng đón ông Quận cùng các vị Thánh.
- Từ 8h đến 9h: Ôn định tổ chức tuyên bố lý do giới thiệu đại biểu, khai mạc, dâng hương.
- Từ 9h đến 10h: Lễ khai đọc đọc sắc vua ban đầu tiên cho ông Quận
- Từ 10h đến 11h: Đoàn tế nữ quan thôn Chi Phong tế.
- Từ 11h đến 12h: Đoàn tế nữ quan của các đơn vị đăng ký.

\* Buổi chiều: Khách thập phương về lễ mầu và tham quan cảnh đền

## **2. Ngày 15 tháng 3 (Âm lịch)**

\* Buổi sáng:

- Từ 7h30 đến 8h30: Tế ông Quận
- Đội nam các cụ thôn Chi Phong tế.
- Từ 8h30 đến 9h30: Đội tế nữ quan thôn Chi Phong tế.
- Từ 9h30 đến 10h30: Tế nữ quan của các đơn vị đăng ký.

\* Buổi chiều: Khách thập phương về lễ mầu và tham quan thắng cảnh đền

## **3. Ngày 16 tháng 3 (Âm lịch)**

\* Buổi sáng:

- Từ 7h30 đến 9h: các cụ nam trong thôn tế tạ.
- Từ 9h đến 10h30: nhà đền lễ khao và lễ tạ.
- Từ 10h30 đến 13h: rước kiệu về đình làng.

### *Phần lễ*

Phần lễ của lễ hội được tổ chức trong không gian linh thiêng của ngôi đền, với sự tham gia của các bậc cao niên, đội tế nam, nữ quan và đông đảo nhân dân địa phương. Mở đầu là nghi thức rước kiệu, một trong những nghi lễ quan trọng nhất. Kiệu được rước từ đền về đình làng, tượng trưng cho việc cung nghinh các vị thần linh về với cộng đồng dân cư. Đoàn rước diễn ra trong không khí trang nghiêm, có cờ, lọng, nhạc lễ và các nghi trượng đi kèm, thể hiện sự tôn kính tuyệt đối của con người đối với thế giới siêu nhiên.

Tiếp đến là nghi thức khai mạc và dâng hương, đánh dấu sự chính thức mở đầu của lễ hội. Nghi lễ này không chỉ mang ý nghĩa thông báo mà còn là hành động kết nối giữa con người với thần linh thông qua làn khói hương trầm. Đặc biệt, nghi thức đọc sắc phong của vua là một điểm nhấn quan trọng trong phần lễ. Sắc phong là minh chứng lịch sử ghi nhận công trạng và vị thế của các vị thần được thờ phụng, đồng thời khẳng định tính chính danh của di tích và tín ngưỡng tại địa phương. Việc đọc sắc phong trong lễ hội vì thế mang ý nghĩa tái hiện lịch sử, làm sống lại ký ức cộng đồng về những nhân vật được tôn thờ.

Một trong những nội dung đặc sắc nhất của phần lễ là các nghi thức tế lễ, bao gồm tế nam quan và tế nữ quan. Đây là những nghi lễ được thực hiện theo

quy chuẩn nghiêm ngặt, từ trang phục, động tác đến lời xướng, nhạc lễ. Đội tế nam thường là các cụ cao niên, những người đại diện cho trí tuệ và uy tín của làng xã, trong khi đội tế nữ quan thể hiện sự mềm mại, trang nghiêm của yếu tố nữ trong tín ngưỡng. Các nghi thức tế không chỉ là hình thức dâng lễ vật mà còn là một “ngôn ngữ biểu tượng”, thông qua đó con người bày tỏ lòng biết ơn, cầu mong sự che chở và ban phúc từ thần linh.

Phần lễ khép lại bằng các nghi thức lễ tạ và rước kiệu hoàn cung. Đây là thời điểm cộng đồng gửi lời tri ân đến các vị thần sau những ngày lễ hội, đồng thời đưa thần linh trở lại vị trí thờ tự ban đầu. Nghi thức này mang ý nghĩa hoàn kết, tạo nên một vòng tuần hoàn khép kín trong đời sống tín ngưỡng: từ nghinh đón – phụng thờ – tri ân.

Có thể thấy rằng, phần lễ trong lễ hội đền Vực Vông mang đậm tính truyền thống, được bảo lưu gần như nguyên vẹn các yếu tố nghi lễ cổ xưa. Không mang tính phô trương hay sân khấu hóa, các nghi thức diễn ra với sự trang nghiêm, chuẩn mực, thể hiện rõ ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương. Thông qua phần lễ, những giá trị về lịch sử, tín ngưỡng và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” được truyền tải một cách sâu sắc từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Như vậy, phần lễ không chỉ là linh hồn của lễ hội đền Vực Vông mà còn là biểu hiện sinh động của đời sống tâm linh người Việt. Trong bối cảnh hiện đại hóa và biến đổi văn hóa, việc duy trì và bảo tồn những nghi thức này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và củng cố sự gắn kết cộng đồng.

### *Phần hội*

Trong cấu trúc của lễ hội truyền thống Việt Nam, nếu phần “lễ” giữ vai trò thiêng liêng, trang trọng thì phần “hội” lại là không gian của sự giao lưu, giải trí và gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, không phải lễ hội nào phần hội cũng được tổ chức một cách quy mô và bài bản. Lễ hội đền Vực Vông là một trường hợp tiêu biểu, khi phần hội tồn tại dưới dạng giản dị, tự nhiên, song vẫn hàm chứa nhiều ý nghĩa văn hóa sâu sắc.

Phần hội của lễ hội đền Vực Vòng thể hiện rõ nét qua không khí sinh hoạt cộng đồng diễn ra xung quanh không gian đền. Trong những ngày lễ hội, đông đảo nhân dân địa phương cùng khách thập phương tụ hội về đây không chỉ để thực hành nghi lễ tín ngưỡng mà còn để gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ đời sống tinh thần. Những cuộc trò chuyện, những lời thăm hỏi đầu xuân hay những khoảnh khắc sum họp giữa người thân, bạn bè đã tạo nên một “không gian hội” mang tính chất gắn kết xã hội bền chặt. Người dân tại địa phương thường lưu truyền nhau câu ca:

*“Lễ là kính Mẫu cho tròn,  
Hội là vui xóm vui thôn một ngày.”*

Bên cạnh đó, hoạt động tham quan và văn cảnh cũng là một biểu hiện quan trọng của phần hội. Nằm trong quần thể di tích lịch sử của vùng Hoa Lư, đền Vực Vòng không chỉ là nơi thờ tự mà còn là điểm đến mang giá trị cảnh quan và văn hóa. Du khách khi về dự hội thường kết hợp dâng hương với việc thưởng ngoạn cảnh sắc thiên nhiên, tìm hiểu kiến trúc đền và cảm nhận không khí linh thiêng của vùng đất cổ đô. Chính sự hòa quyện giữa yếu tố tâm linh và du lịch này đã tạo nên một sắc thái riêng cho phần hội của lễ hội.

Ngoài ra, trong khuôn khổ lễ hội, các hoạt động dịch vụ dân gian như buôn bán nhỏ, trao đổi hàng hóa, chuẩn bị lễ vật cũng góp phần làm nên không khí nhộn nhịp, sinh động. Tuy không mang tính tổ chức cao như các trò chơi dân gian hay các cuộc thi tài, nhưng những hoạt động này lại phản ánh chân thực đời sống kinh tế – văn hóa của người dân địa phương, đồng thời tạo điều kiện cho sự tương tác giữa các cộng đồng.

Điểm đáng chú ý là phần hội trong lễ hội đền Vực Vòng mang tính “tự phát” nhiều hơn là “tổ chức”. Không có những sân khấu biểu diễn hay các trò chơi quy mô lớn, phần hội diễn ra một cách tự nhiên, gắn liền với nhu cầu thực tế của người tham gia. Điều này vừa thể hiện quy mô vừa phải của lễ hội, vừa phản ánh xu hướng bảo tồn tính nguyên gốc, tránh sự thương mại hóa hay sân khấu hóa quá mức.

Tuy giản dị, phân hội vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng đời sống tinh thần của cộng đồng. Nếu phân lễ hướng con người đến thế giới thiêng liêng thì phân hội lại đưa con người trở về với đời sống thường nhật, nơi các mối quan hệ xã hội được củng cố và phát triển. Chính sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này đã tạo nên sức sống bền bỉ cho lễ hội qua thời gian.

Như vậy, phân hội của lễ hội đền Vực Vòng tuy không nổi bật về hình thức tổ chức nhưng lại giàu giá trị về mặt xã hội và văn hóa. Đó là không gian của sự gặp gỡ, giao lưu và sẻ chia, góp phần làm sâu sắc thêm ý nghĩa của lễ hội như một sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc trưng của cư dân vùng Hoa Lư. Trong bối cảnh hiện nay, việc duy trì một phân hội giản dị nhưng chân thực như vậy cũng là một cách để bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống trước những tác động của quá trình hiện đại hóa.

Lễ hội Đền Vực Vòng với cấu trúc phân lễ – phân hội rõ ràng là sự kết tinh hài hòa giữa tín ngưỡng dân gian, truyền thuyết lịch sử và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Phân lễ thể hiện chiều sâu tâm linh và niềm tin thiêng liêng của con người; phân hội phản ánh nhu cầu giao tiếp, giải trí và cố kết cộng đồng. Sự kết hợp này làm nên sức sống bền bỉ của lễ hội, góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và khẳng định vai trò của Đền Vực Vòng trong đời sống tinh thần của cư dân vùng Tây Hoa Lư qua nhiều thế hệ.

#### *2.1.2.4. Giá trị văn hoá – nghệ thuật*

Giá trị văn hoá - nghệ thuật trong mỗi di tích thường thể hiện thông qua sự tồn tại các công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc và đa dạng như hệ thống tượng tròn, các tác phẩm điêu khắc, hội họa bằng nhiều dạng liệu khác nhau. Những tác phẩm này cũng thể hiện những quan niệm, tiêu chí về giá trị thẩm mỹ của từng giai đoạn, từng tầng lớp dân cư của các vùng miền khác nhau trên đất nước. Mỗi một công trình, một di vật trong các di tích đều chứa đựng công sức, trí tuệ và tài sản của cá nhân, cộng đồng. Nó luôn mang “hơi thở” của quá khứ, nhịp sống của thời đại, đồng thời là bức thông điệp, lời nhắn của quá khứ gửi hiện tại và tương lai...

Đối với di tích đền Vực Vông, giá trị văn hoá nghệ thuật tập trung rõ nét nhất ở phong cách, trang trí kiến trúc và điêu khắc của di tích.

### *Kiến trúc*

Đền Vực Vông nổi bật với cấu trúc kiến trúc mang tính truyền thống, được tổ chức theo trục dọc gồm nhiều lớp không gian kế tiếp nhau, từ ngoài vào trong, tương ứng với mức độ linh thiêng tăng dần. Cách bố trí này không chỉ thể hiện quan niệm “tiền – trung – hậu” trong kiến trúc cổ mà còn phản ánh rõ thứ bậc tôn ti trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Mở đầu cho hệ thống kiến trúc là khu vực cổng Tam Quan – ranh giới giữa không gian đời thường và không gian linh thiêng. Từ đây, tiến sâu vào bên trong là các tòa kiến trúc chính được sắp xếp theo thứ tự: Đệ Tam, Đệ Nhị và Đệ Nhất. Sự phân chia này không chỉ mang ý nghĩa về mặt không gian mà còn thể hiện sự phân tầng trong đối tượng thờ tự.

Ở phía ngoài cùng là tòa Đệ Tam – không gian có tính “mở” hơn, đóng vai trò như lớp đệm giữa đời sống trần tục và thế giới linh thiêng. Gian giữa thờ quan Giám Sát, đại diện cho hệ thống thần linh trong tín ngưỡng dân gian. Các gian bên tiếp tục phân chia đối tượng thờ tự một cách rõ ràng: phía bên phải thờ Quan Bắc Đẩu và kiệu Mẫu – những yếu tố gắn với quyền năng siêu nhiên và vận mệnh con người; phía bên trái thờ Quan Nam Tào và ban Gia Tiên, thể hiện sự kết nối giữa tín ngưỡng thờ thần và tín ngưỡng thờ tổ tiên. Hai gian hành lang hai bên tạo lối đi lại, đồng thời góp phần mở rộng không gian, tạo sự thông thoáng và cân đối cho toàn bộ kiến trúc.

Tiếp đến là tòa Đệ Nhị – không gian trung gian, nơi kết nối giữa trung tâm thờ tự và các yếu tố tín ngưỡng cộng đồng. Gian giữa phía trong thờ tứ vị Quận Công bằng long ngai và lô nhang, khẳng định vai trò của các nhân vật lịch sử có công với đất nước, đặc biệt trong bối cảnh “phù Lê diệt Mạc”. Phía ngoài của gian giữa thờ công đồng Tứ phủ – một yếu tố đặc trưng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, thể hiện sự giao thoa giữa tín ngưỡng thờ thần lịch sử và tín ngưỡng thờ Mẫu. Hai gian bên của tòa Đệ Nhị được bố trí làm nơi sắp lễ, phục vụ cho các

hoạt động hành lễ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và du khách khi tham gia nghi thức dâng hương.

Tòa Đệ Nhất, nằm ở vị trí trung tâm và linh thiêng nhất, là nơi đặt ban thờ chính của đền. Gian giữa của tòa này thờ Thái Bảo Mỹ Quận Công phu nhân Nguyễn Thị Niên – nhân vật trung tâm, được nhân dân tôn vinh là Bà chúa Vực Vông. Tượng thờ được đặt trong nhà khám, tạo nên không gian trang nghiêm, kín đáo, thể hiện sự tôn kính tuyệt đối. Hai gian bên của tòa Đệ Nhất hỗ trợ cho không gian thờ chính: gian bên phải thờ Sơn Trang Công Chúa – đại diện cho yếu tố tín ngưỡng Mẫu gắn với núi rừng; gian bên trái thờ vọng đức Trần triều với long ngai, thể hiện sự liên kết giữa tín ngưỡng địa phương với dòng chảy lịch sử dân tộc.

Bên ngoài khu đền, cách cổng Tam Quan khoảng 200 mét về phía đông bắc là lăng mộ của Thái Bảo Mỹ Quận Công phu nhân Nguyễn Thị Niên. Sự hiện diện của lăng mộ trong cùng một không gian tổng thể với đền thờ cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa nơi thờ tự và nơi an táng, góp phần củng cố tính linh thiêng và giá trị lịch sử của di tích.

Nhìn tổng thể, kiến trúc đền Vực Vông không chỉ là một công trình xây dựng mà còn là một hệ thống biểu tượng văn hóa. Cách bố trí các tòa nhà, các gian thờ và đối tượng thờ tự phản ánh rõ quan niệm về vũ trụ, về trật tự xã hội và về mối quan hệ giữa con người với thần linh trong tư duy truyền thống của người Việt. Đây chính là giá trị cốt lõi làm nên sức sống bền vững của di tích trong dòng chảy văn hóa dân tộc.

#### *Một số di vật tiêu biểu*

Trong hệ thống DTLSVH Việt Nam, các di vật luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi chúng là những minh chứng cụ thể, trực tiếp cho các giá trị lịch sử và đời sống tinh thần của cộng đồng. Tại đền Vực Vông, hệ thống di vật còn lưu giữ tương đối phong phú, đa dạng về loại hình, từ tượng thờ, sắc phong đến các đồ thờ tự truyền thống, qua đó phản ánh rõ nét đặc trưng của tín ngưỡng dân gian vùng Hoa Lư.

Nổi bật trước hết trong hệ thống di vật của đền là các tượng thờ – nhóm hiện vật có giá trị nghệ thuật và tâm linh cao nhất. Trung tâm của không gian thờ

tự là tượng Thái Bảo Mỹ Quận Công phu nhân Nguyễn Thị Niên, được đặt trang trọng trong khám thờ tại tòa Đệ Nhất. Tượng được thể hiện với dáng ngồi uy nghi, khuôn mặt phúc hậu, toát lên vẻ đức hạnh của một người phụ nữ tiêu biểu trong xã hội phong kiến với các phẩm chất “Trung – Trinh – Tiết – Phụ”. Bên cạnh đó, hệ thống tượng các quan, công chúa, Sơn Trang được bố trí ở các tòa điện khác nhau, mang phong cách điêu khắc dân gian, với lớp sơn son thếp vàng đặc trưng, tạo nên vẻ đẹp vừa trang nghiêm vừa gần gũi.

Song song với tượng thờ là hệ thống long ngai, bài vị – những hiện vật mang tính biểu tượng cao trong không gian thờ tự. Long ngai thường được chạm khắc tinh xảo với các họa tiết rồng, phượng, thể hiện quyền uy và sự tôn nghiêm của thần linh. Bài vị đặt trên long ngai không chỉ là nơi ghi danh các vị thần mà còn là sự hiện diện tượng trưng của các đẳng linh thiêng trong đời sống tâm linh của cộng đồng.

Một trong những nhóm di vật có giá trị lịch sử đặc biệt là các sắc phong do triều đình phong kiến ban tặng. Tiêu biểu gồm 17 đạo sắc của Thái Bảo Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê, 3 đạo sắc của Thái Bảo Mỹ Quận Công Phu Nhân, hiện còn lưu giữ ở đền Vực Vòng và các sắc phong khác. Các sắc phong này, có niên đại từ thời Hậu Lê và được bổ sung qua các triều đại sau, là bằng chứng xác thực về công trạng của các nhân vật được thờ phụng, đồng thời khẳng định vị thế và tính chính thống của di tích trong hệ thống tín ngưỡng quốc gia. Nội dung sắc phong không chỉ mang ý nghĩa hành chính mà còn chứa đựng những giá trị văn học và tư tưởng sâu sắc.

Bên cạnh đó, hệ thống đồ thờ tự (khí tự) tại đền cũng rất phong phú, bao gồm lư hương, đỉnh đồng, chân nến, bát bửu, chấp kích và kiệu rước. Những hiện vật này thường được chế tác từ đồng hoặc gỗ, trang trí bằng các họa tiết truyền thống như rồng, phượng, hoa lá cách điệu. Không chỉ phục vụ cho các nghi lễ, chúng còn góp phần tạo nên không gian linh thiêng, trang trọng, làm tăng thêm tính thẩm mỹ cho toàn bộ kiến trúc đền.

Hệ thống hoành phi – câu đối treo tại các tòa điện cũng là một bộ phận không thể thiếu trong tổng thể di vật. Nội dung các câu đối thường ca ngợi công

đức của thần linh, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và truyền thống tôn vinh những người có công với đất nước. Đây đồng thời cũng là những tác phẩm thư pháp có giá trị nghệ thuật, phản ánh trình độ văn hóa của cộng đồng qua các thời kỳ.

Kiệu rước là một hiện vật gắn liền với lễ hội truyền thống – không chỉ mang giá trị vật chất mà còn chứa đựng ý nghĩa nghi lễ sâu sắc. Trong các dịp lễ hội, kiệu được sử dụng để rước thần, thể hiện sự tôn kính và lòng thành của nhân dân đối với các vị được thờ phụng. Cùng với đó, lăng mộ của Thái Bảo Mỹ Quận Công phu nhân Nguyễn Thị Niên nằm gần khu vực đền thờ đã tạo nên một chỉnh thể hoàn chỉnh giữa nơi thờ tự và nơi an táng, góp phần tăng cường tính linh thiêng và giá trị lịch sử của di tích.

Nhìn chung, hệ thống di vật tại đền Vực Vông không chỉ phong phú về số lượng mà còn đa dạng về loại hình và giá trị. Mỗi di vật đều mang trong mình những ý nghĩa riêng, góp phần tái hiện một cách sinh động đời sống tín ngưỡng, lịch sử và văn hóa của cộng đồng cư dân vùng Hoa Lư. Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di vật này không chỉ có ý nghĩa đối với nghiên cứu khoa học mà còn góp phần quan trọng vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

#### *2.1.2.5. Giá trị kinh tế*

Đền Vực Vông là một DTLSVH tiêu biểu của vùng Hoa Lư. Không chỉ mang giá trị lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng, di tích này còn có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống kinh tế – xã hội của cộng đồng địa phương.

Đền Vực Vông có giá trị thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa – tâm linh của địa phương. Đền Vực Vông, với vị trí nằm trong không gian di tích của vùng cổ đô, trở thành một điểm dừng chân trong hành trình khám phá các giá trị lịch sử và văn hóa của địa phương. Hoạt động tham quan và lễ bái tại đền đã góp phần tạo điều kiện phát triển các dịch vụ du lịch như bán đồ lưu niệm, dịch vụ ăn uống, hướng dẫn tham quan và các hoạt động văn hóa cộng đồng, từ đó tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân.

Một giá trị xã hội quan trọng khác của đền Vực Vông là tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Việc tổ chức các hoạt động lễ hội và sinh hoạt tín ngưỡng tại đền thường có sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân trong vùng. Người dân cùng nhau chuẩn bị lễ vật, trang trí không gian thờ tự, tham gia các đoàn rước và các hoạt động văn hóa. Những hoạt động tập thể này giúp củng cố tinh thần đoàn kết, tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các thành viên trong cộng đồng làng xã.

Đền Vực Vông không chỉ là một di tích lịch sử – văn hóa đơn thuần mà còn là một thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội của địa phương. Di tích vừa góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, tạo sinh kế cho người dân, vừa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và giáo dục truyền thống lịch sử cho các thế hệ mai sau. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của đền Vực Vông không chỉ có ý nghĩa đối với di sản văn hóa mà còn đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.

## **2.2. Thực trạng khai thác giá trị di tích đền Vực Vông**

### **2.2.1. Mô tả nghiên cứu**

Để tìm hiểu về thực trạng khai thác giá trị lịch sử - văn hóa của di tích đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch. Nghiên cứu đã trải qua hoạt động phỏng vấn sâu đối với cán bộ quản lý, người trông coi di tích, đại diện cộng đồng dân cư và khảo sát bằng phiếu đối với đối tượng du khách và người dân địa phương.

Thứ nhất, phỏng vấn sâu các đối tượng then chốt tại di tích đền Vực Vông, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Việc thảo luận, trao đổi sâu với cán bộ phụ trách Văn hóa - Xã hội phường Tây Hoa Lư giúp bài nghiên cứu có cái nhìn toàn diện từ góc độ quản lý vĩ mô về sự gắn kết giữa bảo tồn di sản và quy hoạch phát triển du lịch địa phương trong bối cảnh đô thị hóa. Đồng thời, việc ghi nhận ý kiến từ người trông coi di tích và người dân bản địa trực tiếp phụng sự tại đền giúp thu thập phản hồi thực tế về thực trạng bảo tồn các cấu kiện kiến trúc cổ, sự kết hợp giữa tín ngưỡng thờ Mẫu với địa thế phong thủy, cũng như ý thức trách nhiệm của cộng đồng. Các ý kiến đóng góp định tính quý báu này được ghi nhận, kết hợp với mục tiêu ban đầu và cơ sở lý thuyết để hiệu chỉnh, hoàn thiện hệ thống tiêu

chí, thang đo cho bảng câu hỏi, đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với không gian văn hóa tại điểm đến.

Thứ hai, khảo sát bằng phiếu điều tra đối với du khách thập phương và cộng đồng dân cư xung quanh di tích đền Vực Vông. Phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên kết quả của phân tích phỏng vấn chuyên gia, các nhân chứng lịch sử và kết quả nghiên cứu của các tài liệu khoa học liên quan. Hoạt động khảo sát định lượng này được triển khai thực địa với quy mô 30 phiếu điều tra hợp lệ, phân đều cho hai nhóm đối tượng cốt lõi, mỗi đối tượng là 15 phiếu, gồm: 15 phiếu dành cho du khách và 15 phiếu dành cho cộng đồng dân cư.

Đối với mẫu phiếu điều tra du khách: Phiếu được thiết kế gồm các phần chính nhằm thu thập thông tin cơ bản về đối tượng, mục đích chuyến đi, mức độ hiểu biết về giá trị lịch sử - văn hóa, đánh giá mức độ hài lòng đối với chất lượng dịch vụ, cảnh quan, và cuối cùng là kỳ vọng, đề xuất của du khách để khai thác tốt hơn giá trị di tích.

Đối với mẫu phiếu điều tra cộng đồng dân cư: Cấu trúc phiếu tập trung khảo sát nhận thức của người dân về giá trị di sản, thái độ của họ đối với việc khai thác di tích gắn với phát triển du lịch, mức độ sẵn sàng tham gia bảo tồn, cũng như những kiến nghị nâng cao vai trò cộng đồng.

Hệ thống câu hỏi trong các phiếu khảo sát được phân bổ rải rác một cách khoa học nhằm đảm bảo tính khách quan từ đối tượng tham gia, và mỗi người cần khoảng 10 phút để hoàn thành. Sau khi thu hồi đầy đủ 30 phiếu khảo sát hợp lệ, các dữ liệu định lượng được tổng hợp từ đó thống kê thành các bảng số liệu và biểu đồ trực quan, phục vụ cho việc phân tích thực trạng trong đề tài.

**Bảng 2.1. Bảng tóm tắt câu hỏi thực trạng khai thác giá trị lịch sử - văn hóa di tích đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch**

| Câu hỏi       | Loại câu hỏi | Nội dung                                                                                                  |
|---------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1, 2, 3, 4, 5 | Lựa chọn     | Thông tin chung về đối tượng khảo sát (Giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú, thời gian sinh sống). |

|            |             |                                                                                                               |
|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6, 7, 8    | Lựa chọn    | Nhận thức của du khách và cộng đồng về giá trị lịch sử - văn hóa của di tích đền Vực Vông.                    |
| 9, 10, 11  | Lựa chọn    | Mục đích chuyến đi của du khách và thái độ, sự sẵn sàng tham gia phát triển du lịch của cộng đồng.            |
| 12, 13     | Lựa chọn    | Đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ, cảnh quan, không gian tâm linh và công tác quản lý di tích.   |
| 14, 15     | Lựa chọn mở | Kỳ vọng và xu hướng hành vi (Khả năng quay lại của du khách, sự sẵn sàng bảo tồn của người dân).              |
| 16, 17, 18 | Mở          | Khó khăn, vướng mắc, ý kiến đóng góp và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác di sản gắn với du lịch. |

Thời gian thực hiện phỏng vấn sâu và khảo sát thực địa bằng phiếu hỏi được diễn ra từ ngày 19/12/2025 đến 20/4/2026. Trong đó, nghiên cứu thu về được 3 ý kiến chuyên sâu qua hoạt động phỏng vấn (bao gồm cán bộ quản lý văn hóa - xã hội phường Tây Hoa Lư, người trông coi di tích và đại diện cư dân bản địa) cùng 30 ý kiến phản hồi từ hoạt động khảo sát bằng bảng hỏi trực tiếp tại điểm đến. Tỷ lệ phiếu khảo sát thu về đạt tiêu chuẩn và hợp lệ là 30/30 phiếu, chiếm 100%, đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan để tiến hành thống kê, phân tích các nội dung tiếp theo của đề tài.

### **2.2.2. Thực trạng công tác bảo tồn và gìn giữ di tích**

Công tác bảo tồn và gìn giữ di tích đền Vực Vông trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc duy trì và phát huy giá trị của di tích.

Di tích được quan tâm tu bổ, tôn tạo định kỳ, giúp bảo vệ tương đối tốt kiến trúc truyền thống và cảnh quan xung quanh. Các hạng mục chính của đền như khu thờ tự, sân đền, hệ thống đường dẫn... được duy trì trong tình trạng ổn định, hạn

chế tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Việc tu bổ nhìn chung vẫn giữ được nét kiến trúc cổ, đảm bảo tính nguyên gốc và giá trị lịch sử của di tích.

Công tác quản lý di tích ngày càng được chú trọng. Ban quản lý di tích và chính quyền địa phương đã có sự phối hợp trong việc trông coi, bảo vệ tài sản, kiểm soát hoạt động tín ngưỡng, và các quy định về dâng hương, tham quan cũng được thực hiện tương đối nề nếp.

Ngoài ra, ý thức bảo vệ di tích của cộng đồng địa phương và du khách ngày càng được nâng cao. Người dân tham gia tích cực vào việc giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan, đồng thời có trách nhiệm hơn trong các hoạt động lễ hội và sinh hoạt tín ngưỡng. Đây là yếu tố quan trọng giúp công tác bảo tồn không chỉ mang tính quản lý mà còn mang tính cộng đồng bền vững.

Để làm rõ vai trò của quản lý Nhà nước đối với di tích, tác giả đã thực hiện phỏng vấn sâu ông Đinh Thành Sơn – Cán bộ phụ trách Văn hóa - Xã hội phường Tây Hoa Lư. Những ý kiến từ góc độ quản lý vĩ mô của ông Sơn giúp bài nghiên cứu có cái nhìn toàn diện về sự gắn kết giữa bảo tồn di sản và quy hoạch phát triển du lịch địa phương.

Trong bối cảnh đô thị hóa và sáp nhập địa giới hành chính, công tác quản lý di tích tại phường Tây Hoa Lư được đặc biệt chú trọng. Theo ông Đinh Thành Sơn, việc bảo tồn đền Vực Vông hiện nay không chỉ dừng lại ở giữ gìn phần xác (kiến trúc) mà còn phải bảo tồn cả phần hồn (không gian văn hóa). Ông nhấn mạnh: *“Chúng tôi đang thực hiện nghiêm ngặt các quy định về vùng đệm di tích, kiên quyết không để các công trình dân sinh xâm lấn không gian cảnh quan của đền Vực Vông, nhằm giữ gìn tính nguyên bản cho di sản.”* [22, trích phỏng vấn ngày 24 tháng 3 năm 2026]

Qua điều tra thực tế có thể nhận thấy du khách đã đánh giá cao về công tác bảo tồn và gìn giữ di tích.

**Bảng 2.2. Bảng đánh giá về mức độ hài lòng của du khách trong công tác bảo tồn và gìn giữ di tích**

| STT | Tiêu chí đánh giá | Rất hài lòng | Hài lòng | Không hài lòng |
|-----|-------------------|--------------|----------|----------------|
|-----|-------------------|--------------|----------|----------------|

|   |                                                         | Số phiếu | Tỷ lệ % | Số phiếu | Tỷ lệ % | Số phiếu | Tỷ lệ % |
|---|---------------------------------------------------------|----------|---------|----------|---------|----------|---------|
| 1 | Tình trạng bảo tồn kiến trúc và hiện vật của đền        | 16       | 53,3%   | 10       | 33,3%   | 4        | 13,3%   |
| 2 | Công tác vệ sinh và bảo vệ môi trường trong khu di tích | 18       | 60%     | 7        | 23,3%   | 5        | 16,7%   |
| 3 | Hiệu quả của hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích           | 17       | 56,7%   | 7        | 23,3%   | 6        | 20%     |
| 4 | Công tác quản lý và bảo vệ di tích của ban quản lý      | 14       | 46,7%   | 9        | 30%     | 7        | 23,3%   |
| 5 | Hệ thống quy định, biển báo và hướng dẫn bảo vệ di tích | 20       | 66,7%   | 5        | 16,7%   | 5        | 16,7%   |

*Nguồn: Tác giả điều tra thực địa năm 2026*

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế tại đền Vực Vông, có thể khẳng định công tác bảo tồn và gìn giữ di tích tại đền Vực Vông đã đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận, tạo được niềm tin và sự hài lòng cao trong lòng du khách thập phương. Điểm sáng nổi bật nhất nằm ở hệ thống quy định và chỉ dẫn bảo vệ di tích với tỷ lệ "Rất hài lòng" chiếm ưu thế tuyệt đối lên đến 66,7%, minh chứng

cho một tư duy quản lý bài bản, khoa học và trọng thị trải nghiệm người dùng. Song song đó, diện mạo của di tích luôn được duy trì trong trạng thái xanh - sạch - đẹp với 60% đánh giá rất tích cực về công tác vệ sinh môi trường, giúp tôn vinh vẻ đẹp uy nghiêm và thanh tịnh của chốn linh thiêng. Đặc biệt, việc bảo tồn nguyên trạng các giá trị kiến trúc và hiện vật nhận được sự đồng thuận của đại đa số du khách (86,6% tổng mức hài lòng), cho thấy những nỗ lực bền bỉ của địa phương trong việc gìn giữ "linh hồn" di sản trước những tác động của thời gian.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác bảo tồn và khai thác giá trị tại đền Vực Vòng vẫn còn tồn tại một số hạn chế cốt lõi. Về bảo tồn, nguồn kinh phí hạn hẹp khiến việc trùng tu thiếu đồng bộ; công tác quản lý còn thiếu chuyên nghiệp khi hồ sơ khoa học chưa đầy đủ. Đặc biệt, theo cụ Nguyễn Văn Khôi - người trông coi đền cho biết: *“Những tác động của thời tiết lên các cấu kiện gỗ, đá cổ đang là thách thức lớn, đòi hỏi quy trình trùng tu cực kỳ cẩn trọng để không làm mất đi các họa tiết chạm khắc nguyên bản thời Lê - Nguyễn”* [22, trích phỏng vấn ngày 24/3/2026]. Về khai thác du lịch, sản phẩm tại đây còn đơn điệu, chủ yếu dừng lại ở việc dâng hương, nội dung thuyết minh sơ sài, thiếu các hoạt động trải nghiệm và giáo dục chuyên sâu. Khi đặt trong tương quan so sánh với Cố đô Hoa Lư- nơi đã chuyên nghiệp hóa hoạt động lễ hành qua hệ thống thuyết minh bài bản, các tour tuyến kết nối lớn và dịch vụ đa dạng, việc khai thác giá trị lịch sử - văn hóa tại đền Vực Vòng hiện vẫn bộc lộ khoảng cách lớn về cả năng lực quản lý lẫn giá trị trải nghiệm thực tế.

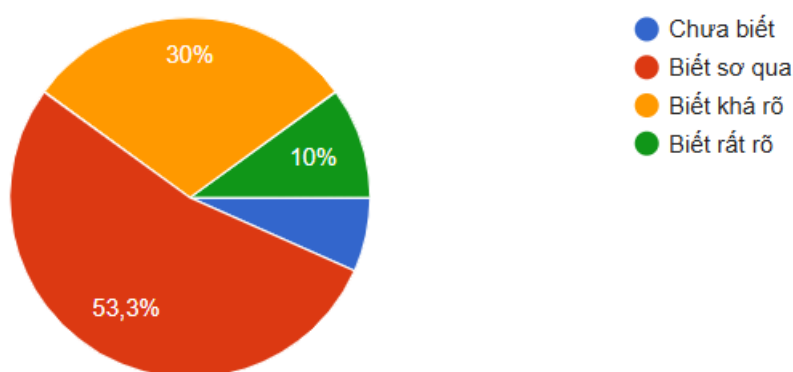
Nhìn chung, công tác bảo tồn và gìn giữ di tích đền Vực Vòng đã có những ưu điểm nổi bật về tu bổ kiến trúc, quản lý, sự tham gia của cộng đồng và gắn với khai thác giá trị thực tiễn, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị lâu dài của di tích.

### **2.2.3. Thực trạng khai thác giá trị lịch sử - văn hoá của di tích**

Việc khai thác giá trị lịch sử - văn hóa tại đền Vực Vòng hiện nay sở hữu nhiều ưu điểm nổi bật, tạo nên sức hút riêng biệt trong lòng quần thể di sản Cố đô. Đền Vực Vòng không chỉ là một công trình kiến trúc đơn thuần mà còn là nơi lưu giữ những giá trị tâm linh quý báu. Trao đổi về vấn đề này, cụ Nguyễn Văn Khôi- người trông coi đền Vực Vòng cho biết: *“Điểm độc đáo của đền chính là sự kết*

*hợp hài hòa giữa tín ngưỡng thờ Mẫu với địa thế phong thủy đặc trưng của vùng đất Hoa Lư, tạo nên một không gian văn hóa vừa trang nghiêm vừa gần gũi với đời sống cư dân nông nghiệp.” [22, trích phỏng vấn ngày 24/3/2026]*

Công tác quản lý đã bước đầu khai thác đa chiều các lớp giá trị, từ kiến trúc nghệ thuật đến tâm linh và lịch sử vùng Hoa Lư, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng du khách. Di tích đã tận dụng tốt khả năng kết nối vùng, trở thành một mắt xích quan trọng trong hành trình khám phá di sản Tây Hoa Lư, nhờ đó thu hút được lượng khách có sự quan tâm và hiểu biết nhất định về điểm đến từ trước khi đặt chân tới đền.

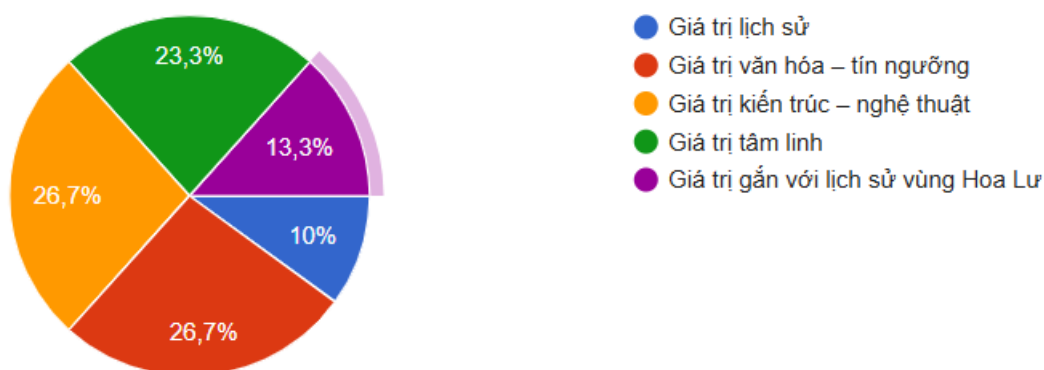


*(Kết quả khảo sát thực địa năm 2026)*

**Biểu đồ 2.1. Mức độ hiểu biết của du khách về giá trị lịch sử - văn hoá của du khách trước khi đến đền Vực Vông**

Dựa trên kết quả khảo sát từ 30 du khách, có thể thấy đền Vực Vông có mức độ nhận biết tương đối. Có tới 93,3% du khách đã biết về di tích ở các mức độ khác nhau trước khi đến tham quan (trong đó 30% biết khá rõ và 10% biết rất rõ). Điều này cho thấy hoạt động quảng bá vị thế của đền trong cụm di tích đã hình thành được sự hiểu biết ổn định trong tâm trí khách hàng. Tuy nhiên, nhóm chiếm tỉ lệ cao nhất là "Biết sơ qua" (53,3%), chứng tỏ du khách mới chỉ nắm bắt

được những thông tin bề nổi. Đây vừa là thách thức nhưng cũng là dư địa lớn để đi tích triển khai các phương thức thuyết minh chuyên sâu nhằm chuyển hóa nhóm khách này thành những người am hiểu di sản.



*(Kết quả khảo sát thực địa năm 2026)*

## **Biểu đồ 2.2. Các giá trị nổi bật của đền Vực Vông theo ý kiến du khách**

Biểu đồ cho thấy nhận thức của du khách về các giá trị nổi bật của đền Vực Vông tương đối đa dạng, trong đó nổi bật là nhóm giá trị văn hóa – tín ngưỡng và giá trị kiến trúc – nghệ thuật cùng chiếm tỷ lệ cao nhất (26,7%). Tiếp theo là giá trị tâm linh (23,3%), cho thấy đền không chỉ là nơi tham quan mà còn là không gian linh thiêng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân và du khách. Bên cạnh đó, giá trị gắn với lịch sử vùng Hoa Lư chiếm 13,3%, trong khi giá trị lịch sử thuần túy chiếm tỷ lệ thấp nhất (10%).

Từ kết quả này có thể nhận thấy, việc khai thác các giá trị lịch sử – văn hóa của đền Vực Vông đang có nhiều ưu điểm nổi bật. Trước hết, yếu tố văn hóa – tín ngưỡng được phát huy hiệu quả, thể hiện qua tỷ lệ đánh giá cao từ du khách, góp phần duy trì và lan tỏa các giá trị truyền thống. Đồng thời, giá trị kiến trúc – nghệ thuật cũng được chú trọng bảo tồn và khai thác, tạo sức hấp dẫn về mặt thẩm mỹ và nghiên cứu. Không gian tâm linh của đền được giữ gìn tốt, mang lại trải nghiệm

trọn vẹn cho du khách khi tham quan và hành lễ. Ngoài ra, việc gắn kết di tích với lịch sử vùng Hoa Lư cũng góp phần làm tăng chiều sâu văn hóa và giá trị giáo dục

#### **2.2.4. Thực trạng về khả năng liên kết du lịch của di tích**

Trong bối cảnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều địa phương, yếu tố vị trí địa lý và khả năng liên kết vùng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khai thác giá trị của các DTLSVH. Đền Vực Vông, thuộc phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, là một trong những di tích tiêu biểu mang giá trị lịch sử, văn hóa và tâm linh. Không chỉ sở hữu giá trị nội tại, đền còn có nhiều ưu điểm nổi bật về vị trí và khả năng liên kết du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển thành điểm đến hấp dẫn trong hệ thống du lịch của địa phương.

Về vị trí địa lý, đền Vực Vông nằm trong không gian văn hóa – lịch sử của vùng Hoa Lư – nơi từng là kinh đô của nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở Việt Nam. Đây là khu vực có mật độ di tích dày đặc, gắn liền với các triều đại Đinh và Tiền Lê, mang đậm dấu ấn lịch sử dân tộc. Đặc biệt, khu vực này thuộc phạm vi của Quần thể danh thắng Tràng An – di sản thế giới được UNESCO công nhận năm 2014. Việc nằm trong không gian di sản tầm cỡ quốc tế đã tạo cho đền Vực Vông một lợi thế rất lớn, giúp nâng cao giá trị và sức hút đối với du khách trong và ngoài nước.

Không chỉ vậy, vị trí của đền còn nằm gần các điểm du lịch nổi tiếng như chùa Bái Đính, Cố đô Hoa Lư, Tràng An, Hang Múa hay Tam Cốc – Bích Động. Khoảng cách giữa các điểm này tương đối gần, giao thông thuận tiện, tạo điều kiện cho việc hình thành các tuyến tham quan liên hoàn. Nhờ đó, đền Vực Vông không tồn tại một cách đơn lẻ mà được đặt trong một mạng lưới du lịch rộng lớn, góp phần gia tăng khả năng tiếp cận của du khách.

Bên cạnh ưu thế về vị trí, khả năng liên kết du lịch của đền Vực Vông cũng là một điểm mạnh đáng chú ý. Thực tế cho thấy, các tour du lịch tại Ninh Bình thường được xây dựng theo hình thức kết hợp nhiều điểm đến trong cùng một hành trình, chẳng hạn như tuyến “Hoa Lư – Tràng An – Bái Đính” hay “Tam Cốc – Bích Động – Hang Múa”. Với vị trí nằm giữa các tuyến điểm này, đền Vực Vông hoàn toàn có thể trở thành điểm dừng chân bổ trợ, đặc biệt trong loại hình

du lịch văn hóa – tâm linh. Sự kết hợp này không chỉ làm phong phú thêm nội dung chương trình du lịch mà còn kéo dài thời gian lưu trú của du khách, qua đó nâng cao hiệu quả kinh tế.

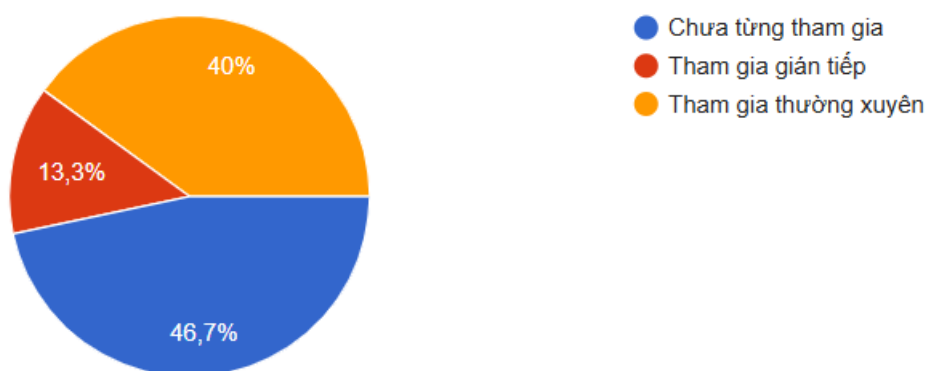
Khả năng liên kết của đền Vực Vông còn được củng cố bởi định hướng phát triển du lịch của tỉnh. Theo các quy hoạch và chiến lược phát triển, UBND tỉnh Ninh Bình nhân mạnh việc *“Tăng cường liên kết, hợp tác du lịch giữa các địa phương”* nhằm quảng bá hình ảnh và phát triển kinh tế du lịch. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xác định phát triển du lịch theo hướng tổng hợp, đa dạng loại hình, trong đó chú trọng liên kết giữa du lịch văn hóa – lịch sử, du lịch tâm linh và du lịch sinh thái. Đây là cơ sở quan trọng để các di tích như đền Vực Vông được tích hợp vào chuỗi sản phẩm du lịch chung của tỉnh. Đồng thời, chủ trương tăng cường liên kết vùng và quảng bá du lịch cũng tạo điều kiện thuận lợi để các điểm đến nhỏ nhưng giàu giá trị như đền Vực Vông được khai thác hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, liên kết du lịch yếu kém là một hạn chế lớn khiến đền Vực Vông bị “đứng ngoài” dòng chảy du lịch chính của tỉnh Ninh Bình dù nằm gần các trung tâm lớn như Tràng An, Tam Cốc hay Bái Đính. Hiện nay, đền hầu như chưa xuất hiện trong các chương trình tour chính thức của các doanh nghiệp lữ hành; lượng khách đến đây chủ yếu mang tính tự phát, là người dân địa phương và khách hành hương dịp lễ, Tết chứ không phải khách du lịch đại trà. Sự thiếu kết nối này còn thể hiện rõ ở khía cạnh tổ chức khi đền chưa có hệ thống thống kê, theo dõi lượt khách để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển, đồng thời thiếu hụt các hạ tầng dịch vụ thiết yếu như bãi đỗ xe hay đội ngũ hướng dẫn viên để đón các đoàn khách quy mô lớn như tại Cố đô Hoa Lư. Chính sự lỏng lẻo trong việc hợp tác với các doanh nghiệp du lịch và các điểm đến lân cận đã làm giảm đáng kể hiệu quả khai thác, khiến di tích chưa thể phát huy được tiềm năng vốn có từ vị trí địa lý thuận lợi của mình.

#### **2.2.5. Thực trạng sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo tồn và phát huy di tích**

Sự tham gia của cộng đồng địa phương là một trong những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả bảo tồn và khai thác giá trị di tích. Tại phường Tây Hoa Lư,

nơi tọa lạc của đền Vực Vông, cộng đồng dân cư đã và đang thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật trong việc đồng hành cùng chính quyền và các cơ quan quản lý trong phát triển du lịch gắn với di tích.



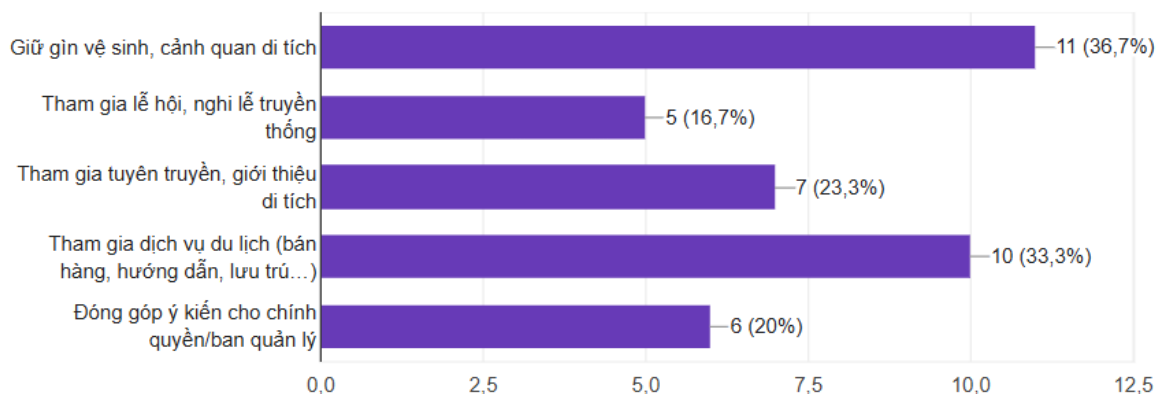
*(Kết quả khảo sát thực địa năm 2026)*

### **Biểu đồ 2.3. Mức độ tham gia của người dân trong khai thác và bảo tồn di tích**

Biểu đồ cho thấy mức độ tham gia của người dân tại Tây Hoa Lư vào các hoạt động liên quan đến đền Vực Vông khá tích cực. Đáng chú ý, tỷ lệ tham gia thường xuyên chiếm 40% và tham gia gián tiếp 13,3%, cho thấy hơn một nửa người dân đã có sự gắn bó nhất định với di tích. Ưu điểm nổi bật là tinh thần tham gia của cộng đồng khá cao, đặc biệt nhóm tham gia thường xuyên chiếm tỷ lệ lớn, phản ánh ý thức trách nhiệm trong bảo tồn và khai thác di tích. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại Ninh Bình. Mặc dù vẫn còn 46,7% chưa tham gia, nhưng đây cũng là nguồn lực tiềm năng có thể huy động trong tương lai nếu được tuyên truyền và tổ chức phù hợp.

Người dân địa phương có ý thức cao trong việc gìn giữ và bảo tồn di tích. Đền Vực Vông không chỉ là một công trình kiến trúc mà còn là không gian sinh hoạt tín ngưỡng quen thuộc của cộng đồng. Chính vì vậy, người dân thường xuyên tham gia các hoạt động như vệ sinh môi trường, tu sửa nhỏ, bảo vệ cảnh quan và giữ gìn sự tôn nghiêm của nơi thờ tự. Đây là biểu hiện rõ nét của tinh thần “chủ

thể văn hóa”, khi cộng đồng không chỉ là người thụ hưởng mà còn trực tiếp bảo vệ giá trị di sản.



*(Kết quả khảo sát thực địa năm 2026)*

#### **Biểu đồ 2.4. Hình thức tham gia của cộng đồng địa phương**

Biểu đồ phản ánh sự đa dạng trong hình thức tham gia của cộng đồng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích, với xu hướng tập trung mạnh vào các hoạt động thực tiễn và lợi ích kinh tế. Nổi bật nhất là công tác giữ gìn vệ sinh và cảnh quan di tích dẫn đầu với tỷ lệ 36,7%, cho thấy ý thức bảo vệ diện mạo di sản của người dân địa phương rất tích cực. Bên cạnh đó, việc tham gia các dịch vụ du lịch (bán hàng, hướng dẫn, lưu trú) cũng chiếm tỷ trọng cao với 33,3%, chứng minh di tích đã trở thành nguồn sinh kế trực tiếp và quan trọng cho cộng đồng. Tuy nhiên, mức độ tương tác trong các hoạt động mang tính chuyên sâu hoặc quản lý vẫn còn hạn chế; cụ thể, chỉ có 23,3% số người tham gia vào việc tuyên truyền, giới thiệu và 20% đóng góp ý kiến cho chính quyền. Đặc biệt, tỷ lệ tham gia vào các nghi lễ truyền thống đạt mức thấp nhất (16,7%), cho thấy một khoảng cách nhất định giữa cộng đồng và các giá trị văn hóa phi vật thể. Nhìn chung, dù người dân đã chủ động trong việc bảo vệ môi trường và khai thác kinh tế, nhưng vai trò của họ trong khâu hoạch định chính sách và duy trì hồn cốt tâm linh của di tích vẫn cần được chú trọng thúc đẩy hơn nữa để đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững.

Chia sẻ về trách nhiệm của người con đất di sản, ông Lê Văn Tú bày tỏ: *“Hơn 20 năm sống cạnh mái đền, việc phụng sự trong các nghi thức tế tự không chỉ là lòng thành kính mà còn là trách nhiệm. Tôi mong muốn mỗi du khách khi về đây đều cảm nhận được nét văn hóa truyền thống nguyên bản và sự nồng hậu của con người Ninh Bình.”* [22, trích phỏng vấn ngày 24 tháng 3 năm 2026]

Một ưu điểm quan trọng khác là sự tham gia của người dân trong phát triển dịch vụ du lịch. Nhờ lợi thế nằm gần các điểm du lịch lớn của Ninh Bình như Tràng An hay Chùa Bái Đính, nhiều hộ dân đã chủ động tham gia vào các hoạt động kinh doanh nhỏ như bán hàng lưu niệm, dịch vụ trông giữ xe, hướng dẫn du khách hoặc cung cấp dịch vụ ăn uống. Sự tham gia này không chỉ góp phần nâng cao thu nhập mà còn tạo thêm tiện ích cho du khách, giúp hoàn thiện chuỗi dịch vụ tại điểm đến.

#### **2.2.6. Thực trạng hoạt động dịch vụ du lịch tại di tích**

Hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ không chỉ là nhịp cầu dẫn lối du khách vào không gian di sản một cách mượt mà, mà còn kết hợp hài hòa với các dịch vụ ăn uống, lưu trú mang đậm hơi thở bản địa giúp du khách được thực sự "sống cùng di sản", trong khi những sản phẩm lưu niệm tinh xảo đóng vai trò như những sứ giả văn hóa kể lại câu chuyện về niềm tự hào của vùng đất này, tất cả cùng tạo nên một hệ sinh thái du lịch nhân văn nơi sự chân thành của con người địa phương chính là giá trị cốt lõi đọng lại sâu sắc nhất trong lòng mỗi người ghé thăm.

Qua điều tra thực tế có thể nhận thấy du khách đã đánh giá cao về các dịch vụ liên quan.

**Bảng 2.3. Bảng đánh giá về mức độ hài lòng của du khách về các dịch vụ du lịch**

| STT | Tiêu chí đánh giá | Rất hài lòng |         | Hài lòng |         | Không hài lòng |         |
|-----|-------------------|--------------|---------|----------|---------|----------------|---------|
|     |                   | Số phiếu     | Tỷ lệ % | Số phiếu | Tỷ lệ % | Số phiếu       | Tỷ lệ % |
|     |                   |              |         |          |         |                |         |

|   |                               |   |       |    |       |   |       |
|---|-------------------------------|---|-------|----|-------|---|-------|
| 1 | Giao thông, đường vào di tích | 5 | 16,7% | 17 | 56,7% | 8 | 26,7% |
| 2 | Dịch vụ ăn uống               | 6 | 20%   | 18 | 60%   | 6 | 20%   |
| 3 | Dịch vụ lưu trú gần di tích   | 6 | 20%   | 18 | 60%   | 6 | 20%   |
| 4 | Sản phẩm lưu niệm             | 5 | 17,2% | 20 | 69%   | 4 | 13,8% |

*Nguồn: Tác giả điều tra thực địa năm 2026*

Bảng 2.3 cho thấy mức độ hài lòng của du khách đối với các dịch vụ liên quan tại khu di tích nhìn chung ở mức tích cực, thể hiện qua tỷ lệ “hài lòng” và “rất hài lòng” chiếm ưu thế ở hầu hết các tiêu chí. Đối với giao thông và đường vào di tích, tỷ lệ hài lòng đạt 56,7% và rất hài lòng 16,7%, cho thấy hệ thống đường xá tương đối thuận tiện, đáp ứng nhu cầu đi lại của du khách. Các dịch vụ ăn uống và lưu trú đều có tỷ lệ hài lòng cao (60%) và rất hài lòng (20%), phản ánh chất lượng phục vụ ổn định, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu trong quá trình tham quan. Đặc biệt, dịch vụ sản phẩm lưu niệm có mức hài lòng cao nhất (69%), cho thấy sự đa dạng và phù hợp với thị hiếu của du khách.

Những kết quả tích cực này phần lớn xuất phát từ lợi thế vị trí của khu di tích khi nằm gần các khu du lịch nổi tiếng, từ đó được thừa hưởng hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ phát triển sẵn có. Nhờ vậy, các dịch vụ thiết yếu như lưu trú, ăn uống và giao thông được đầu tư tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao trải nghiệm tổng thể và mức độ hài lòng của du khách.

Tuy nhiên, dịch vụ du lịch tại đền Vực Vông hiện vẫn ở mức sơ khai và mang tính tự phát, chưa tương xứng với sự phát triển chung của du lịch Ninh Bình. Các hoạt động tại đền chủ yếu là buôn bán đồ lễ nhỏ lẻ, các dịch vụ tín ngưỡng chưa được quản lý chặt chẽ, cùng hệ thống trông giữ xe tự phát thiếu quy hoạch và niêm yết giá. So với sự bài bản của Tràng An hay Bái Đính, đền còn thiếu hụt hạ tầng dịch vụ đồng bộ và chuyên nghiệp. Dù vậy, theo chia sẻ của du khách Trần Hoàng Nam (30 tuổi, Hà Nội), di tích vẫn giữ được điểm cộng lớn là không

gian tĩnh mịch, cổ kính nguyên bản và không bị thương mại hóa; tuy nhiên du khách mong muốn đền có thêm hệ thống mã QR để tự tìm hiểu lịch sử trọn vẹn hơn [22, trích phỏng vấn ngày 24/3/2026]. Nhìn chung, việc thiếu hụt hệ sinh thái dịch vụ chất lượng cao đang là rào cản lớn khiến đền Vực Vông chưa thể phát huy hết tiềm năng du lịch cốt lõi.

## **2.3. Đánh giá thực trạng khai thác giá trị đền Vực Vông**

### **2.3.1. Ưu điểm**

Di tích đền Vực Vông hiện nay vẫn gìn giữ được tương đối nguyên vẹn hệ thống kiến trúc gỗ đá cổ kính theo kiểu chữ "Công" đặc trưng từ thế kỷ XVI. Các cấu kiện kiến trúc cốt lõi, hệ thống cửa võng, khám thờ, bài vị và hoành phi câu đối sơn son thếp vàng bài trí tại tòa Thượng điện luôn được quan tâm bảo vệ nghiêm ngặt trước các tác động của thời gian. Sự tôn nghiêm trong không gian thờ tự phụng sự Bà Chúa Nguyễn Thị Niên và Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê không bị thương mại hóa, qua đó giữ vững vai trò là điểm tựa tinh thần, nuôi dưỡng đời sống tín ngưỡng, văn hóa tâm linh sâu sắc của cộng đồng cư dân bản địa và du khách thập phương, đặc biệt là vào dịp cao điểm chiêm bái đầu xuân.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Sở ban ngành cùng Ban quản lý di tích địa phương, công tác quản lý tại đền Vực Vông từng bước đi vào chuyên nghiệp hóa. Hành lang pháp lý dựa trên các quy định mới của Luật Di sản văn hóa đã được cụ thể hóa bằng các phương án bảo vệ không gian vật lý và vùng đệm của đền. Cảnh quan khu vực mặt tiền, hệ thống đường dẫn và khuôn viên công tam quan được quy hoạch đồng bộ, vệ sinh môi trường tại điểm đến được cải thiện rõ rệt. Các hoạt động đón tiếp khách du lịch, sắp xếp bến bãi, khu vực dịch vụ phụ trợ được bố trí khoa học, hạn chế tối đa tình trạng chèo kéo hay mất an ninh trật tự, tạo nên một không gian di sản văn minh, an lành và trang nghiêm.

Điểm sáng trong công tác khai thác thời gian qua là sự chuyển biến trong nhận thức của người dân địa phương. Cộng đồng cư dân không chỉ tham gia phụng sự tế tự mà còn tích cực đồng hành với chính quyền trong việc bảo tồn tính nguyên bản của đền. Song song với đó, hoạt động truyền thông và giới thiệu điểm đến đã

được đẩy mạnh thông qua việc số hóa thông tin, đăng tải các bài viết chuyên sâu trên các kênh truyền thông chính thống như Báo Ninh Bình, Cổng thông tin của Sở Du lịch hay Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh. Điều này giúp hệ thống hóa tư liệu lịch sử, đưa hình ảnh ngôi đền tiết nghĩa đến gần hơn với xu hướng hành vi và nhu cầu tìm hiểu văn hóa của du khách diện rộng.

Nằm ở vị trí chiến lược trên trục giao thông huyết mạch tiếp giáp với vùng lõi và vùng đệm của Quần thể danh thắng thế giới Tràng An - Cố đô Hoa Lư, đền Vực Vòng sở hữu tiềm năng kết nối liên tuyến vô cùng thuận lợi. Di tích đóng vai trò như một mắt xích văn hóa quan trọng, kết nối linh hoạt với các điểm du lịch tâm linh phụ cận, tạo thành các hành trình trải nghiệm đa dạng cho du khách.

Như vậy, những kết quả bước đầu trong công tác khai thác giá trị đền Vực Vòng đã khẳng định sự đúng đắn trong việc gắn kết giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế du lịch. Đây chính là nền tảng vững chắc để thiết lập các mô hình quản trị di sản hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo.

### **2.3.2. Hạn chế**

Hoạt động du lịch tại đền Vực Vòng hiện nay nhìn chung vẫn phát triển theo hướng tự phát, thiếu một quy hoạch tổng thể bài bản và một chiến lược định vị dài hạn từ phía các cơ quan quản lý chuyên ngành. Sản phẩm du lịch tại điểm đến còn cực kỳ đơn điệu, chủ yếu thuần túy dừng lại ở hoạt động dâng hương, lễ bái tâm linh mang tính mùa vụ (thường tập trung cao điểm vào tháng Giêng và các ngày lễ tiết). Di tích chưa xây dựng được các hoạt động trải nghiệm văn hóa phi vật thể đặc sắc, chưa tái hiện được các câu chuyện lịch sử, giai thoại hào hùng về Bà Chúa Nguyễn Thị Niên để tương tác và kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Điều này dẫn đến chi tiêu của khách du lịch tại điểm đến thấp và gần như bằng không, chưa tạo ra nguồn thu kinh tế tái đầu tư cho di sản.

Mặc dù có lợi thế nằm gần trục quốc lộ, song cơ sở hạ tầng du lịch phục trợ tại đền Vực Vòng vẫn trong tình trạng sơ khai, thiếu đồng bộ. Hệ thống biển báo giao thông, biển chỉ dẫn tiếp cận lối vào di tích còn mờ nhạt, chưa rõ ràng. Đặc biệt, hạn chế lớn nhất trong việc truyền tải giá trị di sản là sự thiếu vắng hoàn toàn của các bảng panô thuyết minh thông tin, các tài liệu ấn phẩm giới thiệu kiến trúc,

hay hệ thống mã QR code để du khách tự tra cứu. Khu vực bãi đỗ xe, nhà đón tiếp khách và các công trình vệ sinh công cộng tuy đã được chỉnh trang nhưng quy mô còn nhỏ hẹp, chưa đủ năng lực phục vụ các đoàn khách du lịch lữ hành đi theo tour số lượng lớn vào mùa lễ hội.

Đội ngũ trực tiếp tham gia vận hành, quản lý và khai thác tại đền Vực Vông hiện nay có sự hạn chế về số lượng cũng như chuyên môn nghiệp vụ. Ban quản lý di tích chủ yếu là các cán bộ kiêm nhiệm tại địa phương và các cụ từ trông coi đền dựa trên kinh nghiệm truyền thống. Điểm đến hoàn toàn thiếu vắng lực lượng thuyết minh viên tại điểm được đào tạo bài bản về kỹ năng giao tiếp, nghiệp vụ hướng dẫn và năng lực ngoại ngữ để đón tiếp khách quốc tế. Do đó, việc giới thiệu các tầng sâu giá trị lịch sử, các điển tích chạm khắc nghệ thuật cốt lõi của ngôi đền đến với du khách còn rất hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào sự chủ động của các hướng dẫn viên đi theo đoàn từ bên ngoài.

Mối quan hệ hợp tác giữa di tích với các doanh nghiệp lữ hành, công ty du lịch trong và ngoài tỉnh còn rất mờ nhạt. Di tích chưa được tích hợp một cách chính thức vào các chương trình tham quan trọng điểm của tỉnh Ninh Bình. Khách du lịch đến với đền Vực Vông đa phần là khách đi lẻ, khách vắng lai tự phát từ các vùng lân cận chứ chưa nằm trong luồng dịch chuyển khách ổn định theo chuỗi giá trị của ngành du lịch địa phương.

Những hạn chế nêu trên đã làm giảm đáng kể sức hấp dẫn và giá trị cạnh tranh của đền Vực Vông trên bản đồ du lịch Ninh Bình. Thực trạng này cho thấy việc khai thác giá trị di tích hiện vẫn chưa xứng tầm với nguồn tài nguyên vốn có, điều này đặt ra yêu cầu cấp bách phải cấu trúc lại mô hình phát triển bằng các giải pháp đồng bộ và đột phá hơn.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế**

#### **2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan**

Hệ thống chính sách và nguồn lực đầu tư cho bảo tồn di tích ở nhiều địa phương còn hạn chế. Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng như Luật Di sản văn hóa năm 2002 và các nghị định liên quan, song việc triển khai trong thực tế vẫn còn gặp khó khăn do thiếu kinh phí và nguồn nhân lực

chuyên môn. Theo quy định của Luật Di sản văn hóa 2024, mọi di sản đều phải được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị một cách đồng bộ, có sự tham gia của toàn xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, việc đảm bảo các yêu cầu này tại các di tích cấp địa phương như Đền Vực Vông vẫn còn nhiều hạn chế.

#### *2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan*

Công tác quản lý tại di tích còn chưa thực sự chặt chẽ. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương đôi khi chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng buôn bán tự phát, dịch vụ chưa được kiểm soát tốt, ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến. Ngoài ra, công tác quảng bá còn hạn chế, chưa tận dụng hiệu quả các kênh truyền thông hiện đại để giới thiệu giá trị của di tích đến du khách.

Chất lượng nguồn nhân lực du lịch còn thấp. Người dân tham gia hoạt động du lịch chủ yếu theo hình thức tự phát, thiếu kỹ năng và kiến thức chuyên môn, dẫn đến chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

Như vậy, các hạn chế trong khai thác giá trị di tích Đền Vực Vông bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả khách quan và chủ quan. Việc nhận diện đúng các nguyên nhân này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần phát huy hiệu quả giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững trong thời gian tới.

## **Tiểu kết chương 2**

Chương 2 đã tập trung làm rõ thực trạng khai thác giá trị lịch sử – văn hóa của di tích Đền Vực Vòng gắn với hoạt động du lịch. Trên cơ sở khái quát về lịch sử hình thành, quá trình tồn tại và những giá trị tiêu biểu của di tích, có thể thấy Đền Vực Vòng không chỉ mang ý nghĩa về mặt lịch sử mà còn có giá trị văn hóa – tâm linh sâu sắc, là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch địa phương.

Qua quá trình phân tích, hoạt động khai thác di tích bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực. Công tác bảo tồn và gìn giữ di tích được quan tâm; các giá trị lịch sử – văn hóa từng bước được đưa vào phục vụ du lịch; vị trí địa lý thuận lợi giúp di tích có khả năng liên kết với các điểm du lịch nổi tiếng trong khu vực. Bên cạnh đó, sự tham gia của cộng đồng địa phương và các dịch vụ liên quan đã góp phần nâng cao trải nghiệm cho du khách và tạo nguồn thu nhất định cho địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, việc khai thác di tích vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Công tác bảo tồn chưa thực sự đồng bộ; sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thiếu tính đặc trưng; liên kết du lịch chưa hiệu quả; dịch vụ phục vụ du khách còn hạn chế; công tác quản lý và quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Những hạn chế này đã phần nào ảnh hưởng đến khả năng thu hút và giữ chân du khách.

Từ những đánh giá trên, có thể thấy việc phát huy giá trị di tích Đền Vực Vòng gắn với phát triển du lịch vẫn còn nhiều tiềm năng nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Đây chính là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp trong chương tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, hướng tới phát triển du lịch văn hóa – tâm linh bền vững tại địa phương.

### **Chương 3:**

## **GIẢI PHÁP PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỊCH SỬ- VĂN HOÁ DI TÍCH ĐỀN VỰC VÔNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

### **3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa – tâm linh tỉnh Ninh Bình**

#### **3.1.1. Quan điểm phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá đền Vực Vông**

Việc phát huy giá trị DTLSVH đền Vực Vông cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, lấy bảo tồn làm nền tảng, khai thác hợp lý để phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đây là quan điểm xuyên suốt phù hợp với định hướng chung của Nhà nước Việt Nam trong quản lý di sản văn hóa.

*Thứ nhất*, quan điểm quan trọng nhất là bảo tồn nguyên trạng giá trị di tích. Đền Vực Vông không chỉ là nơi thờ tự mà còn chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương. Vì vậy, mọi hoạt động tu bổ, tôn tạo phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật, tránh làm biến dạng di tích. Theo quy định tại Nghị định về quản lý, tu bổ di tích (hợp nhất năm 2024), việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải được lập quy hoạch, thẩm định và phê duyệt theo đúng trình tự pháp lý. Điều này cho thấy Nhà nước đặc biệt chú trọng đến tính khoa học và tính nguyên gốc trong bảo tồn di sản.

*Thứ hai*, phát huy giá trị di tích cần gắn với khai thác du lịch văn hóa – tâm linh một cách bền vững. Đền Vực Vông có thể trở thành điểm đến hấp dẫn trong hệ thống du lịch tâm linh của Ninh Bình, đặc biệt khi nằm gần các khu du lịch nổi tiếng. Tuy nhiên, việc khai thác phải đảm bảo không làm tổn hại đến không gian linh thiêng và cảnh quan di tích. Quan điểm này phù hợp với Luật Du lịch năm 2017, trong đó nhấn mạnh phát triển du lịch phải gắn với bảo vệ tài nguyên và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

*Thứ ba*, cần chú trọng phát huy giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích. Các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng, nghi lễ truyền thống tại đền là yếu tố quan trọng tạo nên sức hấp dẫn riêng. Theo các quy định hướng dẫn Luật Di sản văn hóa, Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phi vật thể, bao gồm việc tạo điều kiện cho nghệ nhân truyền dạy, thực hành văn hóa truyền

thống. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để địa phương khai thác các giá trị văn hóa sống gắn với đền.

*Thứ tư*, phát huy giá trị di tích phải gắn với vai trò của cộng đồng địa phương. Người dân không chỉ là chủ thể gìn giữ di tích mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch như dịch vụ, lễ hội, hướng dẫn du khách. Việc huy động cộng đồng sẽ giúp nâng cao ý thức bảo vệ di tích, đồng thời tạo sinh kế bền vững cho người dân.

*Thứ năm*, cần thực hiện quan điểm phát triển đồng bộ giữa di tích và hạ tầng du lịch. Việc đầu tư giao thông, cơ sở vật chất, dịch vụ phải được quy hoạch hợp lý, tránh xâm phạm không gian di tích. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo các hoạt động khai thác di tích diễn ra đúng quy định.

Như vậy, phát huy giá trị di tích đền Vực Vòng cần dựa trên hệ thống quan điểm thống nhất: bảo tồn là nền tảng, khai thác là động lực, cộng đồng là chủ thể và pháp luật là hành lang. Việc vận dụng đúng các quy định như Luật Di sản văn hóa, Luật Du lịch 2017 và các nghị định liên quan sẽ góp phần bảo vệ lâu dài giá trị di tích, đồng thời phát triển du lịch văn hóa – tâm linh một cách hiệu quả và bền vững.

### **3.1.2. Mục tiêu và định hướng phát triển du lịch**

#### **3.1.2.1. Mục tiêu**

Trong bối cảnh ngành du lịch Việt Nam đang chuyển dịch mạnh theo hướng bền vững, lấy giá trị văn hóa – tâm linh làm nền tảng, việc xác định mục tiêu và định hướng phát triển du lịch tại phường Tây Hoa Lư có ý nghĩa quan trọng, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng của vùng đất Cố đô. Địa phương hướng tới xây dựng du lịch văn hóa – tâm linh trở thành một trong những sản phẩm chủ đạo, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, truyền thống văn hóa đặc sắc.

Mục tiêu dài hạn là đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế – xã hội, tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng chung của tỉnh Ninh Bình khi xác định đến năm 2030 du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thực tế cho

thấy, du lịch Ninh Bình đã có bước phát triển mạnh mẽ, năm 2024 đón khoảng 8,7 triệu lượt khách, doanh thu đạt hơn 9.100 tỷ đồng. Năm 2025, du lịch Ninh Bình tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, lượng khách và doanh thu đều có xu hướng tăng so với năm 2024, với con số ghi nhận khoảng 19,4 triệu lượt khách, doanh thu đạt trên 21.200 tỷ đồng. Điều này tạo nền tảng thuận lợi cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình du lịch, trong đó có du lịch tâm linh.

#### *3.1.2.2. Định hướng phát triển*

Về định hướng phát triển, du lịch Ninh Bình cần tập trung vào một số nội dung trọng tâm. Trước hết là phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản, coi đây là nguyên tắc xuyên suốt nhằm đảm bảo tính bền vững. Các di tích lịch sử, đền, chùa cần được trùng tu, tôn tạo đúng quy định, đồng thời khai thác giá trị văn hóa phi vật thể như lễ hội, tín ngưỡng dân gian để tạo sản phẩm du lịch đặc trưng. Bên cạnh đó, cần xây dựng các tuyến, điểm du lịch liên kết với các khu du lịch nổi tiếng trong tỉnh nhằm hình thành chuỗi sản phẩm đồng bộ, nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến.

Một định hướng quan trọng khác là phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch theo hướng đồng bộ, hiện đại nhưng vẫn giữ được bản sắc địa phương. Cần chú trọng nâng cấp giao thông, cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống, đồng thời tăng cường xã hội hóa đầu tư nhằm huy động các nguồn lực phát triển du lịch. Việc phát triển nguồn nhân lực du lịch cũng cần được quan tâm, hướng tới đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có hiểu biết sâu về văn hóa – lịch sử địa phương. Theo các định hướng của tỉnh, việc đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ số và xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc là những giải pháp then chốt trong giai đoạn hiện nay.

Về cơ sở pháp lý, định hướng phát triển du lịch địa phương được đặt trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và quy hoạch của Trung ương và tỉnh. Cụ thể, Luật Du lịch năm 2017 là nền tảng pháp lý quan trọng điều chỉnh các hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, Luật Di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung) quy định việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích – yếu tố cốt lõi của du lịch tâm linh. Ở cấp Chính

phủ, các nghị định về quản lý di tích, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khai thác du lịch gắn với bảo tồn.

Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử – văn hóa Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là cơ sở pháp lý để phát triển các hoạt động du lịch di sản trên địa bàn.

Quyết định số 218/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050, định hướng xây dựng Thành phố Hoa Lư (trong đó có Tây Hoa Lư) trở thành đô thị di sản thiên niên kỷ, trung tâm du lịch, văn hóa, kinh tế di sản cả nước và khu vực. Với mục tiêu chính là xây dựng phường Tây Hoa Lư trở thành trung tâm du lịch và công nghiệp văn hóa của tỉnh Ninh Bình. Chuyển từ du lịch tham quan thuần túy sang du lịch trải nghiệm văn hóa cao cấp và du lịch nghỉ dưỡng xanh. Phát triển sản phẩm du lịch qua tái hiện các không gian văn hóa lịch sử thời Đinh - Tiền Lê; Phát triển kinh tế ban đêm tại các khu vực phố cổ, làng cổ; Mở rộng các tour du lịch đường thủy trên sông Sào Khê và sông Hoàng Long. Quy hoạch không gian theo hướng bảo tồn nguyên trạng các giá trị di sản, hạn chế bê tông hóa, ưu tiên kiến trúc truyền thống và vật liệu thân thiện môi trường. Áp dụng công nghệ VR/AR để giới thiệu di tích và quản lý vận hành du lịch thông minh.

Chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Chính trị và lãnh đạo trung ương về việc “Phát huy tối đa lợi thế du lịch, bảo tồn văn hóa, phát triển dịch vụ du lịch bền vững”, làm nền tảng thúc đẩy phát triển ngành này tại Ninh Bình nói chung và Tây Hoa Lư nói riêng.

Mục tiêu và định hướng phát triển du lịch văn hóa – tâm linh tại phường Tây Hoa Lư cần bám sát chiến lược chung của tỉnh và quốc gia, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng đặc thù của địa phương. Việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch, giữa truyền thống và hiện đại sẽ là yếu tố quyết định để du lịch địa phương phát triển bền vững, góp phần nâng cao vị thế của Ninh Bình trên bản đồ du lịch Việt Nam.

## **3.2. Giải pháp phát huy giá trị di tích Đền Vực Vông**

### **3.2.1. Giải pháp bảo tồn và phát huy di tích**

Bảo tồn di tích là giải pháp nền tảng nhằm giữ gìn các giá trị lịch sử – văn hóa của Đền Vực Vông, đồng thời tạo cơ sở cho việc khai thác và phát huy bền vững trong tương lai. Để thực hiện hiệu quả công tác này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Tăng cường công tác tu bổ, tôn tạo di tích theo đúng quy định pháp luật. Mọi hoạt động sửa chữa, phục hồi tại đền phải tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung) và các nghị định hướng dẫn thi hành. Việc tu bổ cần đảm bảo giữ gìn tối đa yếu tố gốc, hạn chế việc thay mới hoặc làm biến dạng kiến trúc truyền thống. Đồng thời, cần lập hồ sơ khoa học chi tiết về di tích, bao gồm lịch sử hình thành, kiến trúc, hiện trạng và các giá trị văn hóa liên quan để phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn lâu dài. Bảo vệ không gian cảnh quan và môi trường di tích. Đền Vực Vông không chỉ có giá trị ở kiến trúc mà còn ở không gian linh thiêng và cảnh quan xung quanh. Vì vậy, cần có quy hoạch cụ thể nhằm kiểm soát hoạt động xây dựng, buôn bán tự phát, tránh làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sự tôn nghiêm của di tích. Đồng thời, tăng cường công tác vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, tạo không gian sạch đẹp, văn minh cho du khách.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích. Các nghi lễ, lễ hội truyền thống tại đền cần được duy trì, tổ chức đúng nghi thức, tránh thương mại hóa hoặc biến tướng. Đồng thời, cần sưu tầm, ghi chép và truyền dạy các tri thức dân gian, tín ngưỡng liên quan đến đền nhằm bảo tồn giá trị văn hóa lâu dài.

Nâng cao năng lực quản lý và nhận thức cộng đồng về bảo tồn di tích. Ban quản lý di tích cần được củng cố về tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác bảo tồn. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để người dân địa phương hiểu rõ giá trị của di tích, từ đó có ý thức gìn giữ và tham gia tích cực vào hoạt động bảo tồn.

Huy động nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn cũng là một giải pháp quan trọng. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi sự tham gia đóng góp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên, việc huy

động và sử dụng nguồn lực phải được quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, tránh tình trạng lạm dụng hoặc làm sai lệch giá trị di tích.

Cần ứng dụng khoa học – công nghệ trong bảo tồn di tích. Việc số hóa dữ liệu di tích, xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin, sử dụng công nghệ trong giám sát, bảo vệ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Đây cũng là xu hướng phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa hiện nay.

Việc bảo tồn di tích Đền Vực Vông cần được thực hiện một cách toàn diện, kết hợp giữa yếu tố pháp lý, khoa học và cộng đồng. Chỉ khi đảm bảo tốt công tác bảo tồn, các giá trị của di tích mới có thể được phát huy một cách bền vững, góp phần phục vụ phát triển du lịch văn hóa – tâm linh của địa phương.

### **3.2.2. Giải pháp tổ chức hoạt động du lịch**

Để phát huy hiệu quả giá trị di tích Đền Vực Vông, công tác tổ chức và quản lý hoạt động du lịch cần được thực hiện một cách đồng bộ, khoa học và chuyên nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo vừa khai thác tốt tiềm năng du lịch, vừa giữ gìn được tính tôn nghiêm và bền vững của di tích. Hoàn thiện bộ máy quản lý theo hướng rõ ràng, hiệu quả. Ban quản lý di tích cần được củng cố về tổ chức, phân công cụ thể trách nhiệm giữa các bộ phận, đồng thời tăng cường sự phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng. Việc quản lý thống nhất sẽ giúp kiểm soát tốt các hoạt động du lịch, hạn chế tình trạng chông chéo hoặc buông lỏng quản lý

Quy hoạch và tổ chức không gian du lịch hợp lý. Các khu vực như nơi tham quan, khu dịch vụ, bãi đỗ xe, khu bán hàng cần được bố trí khoa học, đảm bảo thuận tiện cho du khách nhưng không ảnh hưởng đến không gian linh thiêng của di tích. Đặc biệt, trong mùa lễ hội, cần có phương án phân luồng khách, tránh tình trạng quá tải, chen lấn, gây mất trật tự.

Quản lý chặt chẽ các hoạt động dịch vụ du lịch, các dịch vụ như ăn uống, gửi xe, bán hàng lưu niệm cần được kiểm soát về giá cả và chất lượng, đảm bảo niềm yết công khai, tránh tình trạng chặt chém hoặc chèo kéo du khách. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ du lịch như hệ thống nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn, khu nghỉ chân... theo hướng đồng bộ, tiện nghi nhưng vẫn phù hợp với

không gian di tích. Đồng thời, cần từng bước hạn chế các hoạt động kinh doanh tự phát gây ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến.

Đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường cần được chú trọng. Lực lượng chức năng cần thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, đảm bảo an toàn cho du khách. Đồng thời, tăng cường công tác thu gom rác thải, giữ gìn môi trường sạch đẹp, văn minh.

Phát triển nguồn nhân lực du lịch cũng đóng vai trò quan trọng. Đội ngũ hướng dẫn viên, người phục vụ cần được đào tạo bài bản, có kiến thức về lịch sử - văn hóa di tích và kỹ năng giao tiếp, phục vụ du khách. Đây là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm và tạo ấn tượng tốt cho du khách.

Việc tổ chức và quản lý hoạt động du lịch tại Đền Vực Vông cần hướng tới sự chuyên nghiệp, đồng bộ và bền vững. Khi các giải pháp này được triển khai hiệu quả, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tạo dựng hình ảnh điểm đến văn hóa – tâm linh văn minh, hấp dẫn trong lòng du khách.

### **3.2.3. Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch**

Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa – tâm linh tại Đền Vực Vông cần dựa trên việc khai thác sâu các giá trị lịch sử, tín ngưỡng và bản sắc địa phương, đồng thời đảm bảo tính bền vững và khác biệt.

Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù gắn với di tích. Đền Vực Vông có thể phát triển các sản phẩm như tham quan kết hợp tìm hiểu lịch sử, trải nghiệm không gian tâm linh, tham gia nghi lễ dâng hương... Qua đó tạo nên nét riêng, tránh trùng lặp với các điểm du lịch khác.

Khai thác và nâng cao chất lượng lễ hội truyền thống. Lễ hội tại đền nên được tổ chức bài bản, giữ gìn nghi thức cổ truyền, đồng thời kết hợp các hoạt động văn hóa dân gian để tăng tính hấp dẫn nhưng vẫn đảm bảo sự trang nghiêm, đúng bản sắc.

Liên kết xây dựng tuyến, điểm du lịch. Đền Vực Vông cần được kết nối với các khu du lịch nổi tiếng trong khu vực nhằm hình thành các tour du lịch văn hóa – tâm linh đa dạng, góp phần thu hút và giữ chân du khách lâu hơn.

Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ như phát triển sản phẩm lưu niệm mang bản sắc địa phương, ẩm thực truyền thống, trải nghiệm đời sống văn hóa cộng đồng. Điều này không chỉ làm phong phú trải nghiệm du khách mà còn tạo sinh kế cho người dân.

Đẩy mạnh quảng bá và xây dựng thương hiệu điểm đến. Sử dụng các kênh truyền thông, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số để giới thiệu hình ảnh Đền Vực Vông đến đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Việc phát triển sản phẩm cần gắn với bảo tồn giá trị di tích và đảm bảo tính bền vững, tránh thương mại hóa quá mức làm mất đi ý nghĩa tâm linh và giá trị văn hóa truyền thống.

Như vậy, phát triển sản phẩm du lịch văn hóa – tâm linh tại Đền Vực Vông cần theo hướng đặc trưng, đa dạng và bền vững, góp phần nâng cao sức hút và giá trị của di tích trong phát triển du lịch địa phương.

#### **3.2.4. Giải pháp về cộng đồng địa phương**

Cộng đồng địa phương giữ vai trò chủ thể trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích Đền Vực Vông, do đó cần nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về giá trị lịch sử – văn hóa của di tích. Thông qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, chương trình truyền thông, người dân sẽ hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ và phát huy di sản.

Khuyến khích cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch như cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán hàng lưu niệm, hướng dẫn du khách. Điều này không chỉ tạo sinh kế mà còn giúp người dân gắn bó hơn với di tích.

Đào tạo, nâng cao kỹ năng cho người dân. Các lớp tập huấn về kỹ năng phục vụ du lịch, giao tiếp, kiến thức văn hóa – lịch sử sẽ giúp cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch một cách chuyên nghiệp hơn.

Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý giữa cộng đồng và các bên liên quan. Khi người dân được hưởng lợi từ du lịch, họ sẽ có ý thức hơn trong việc giữ gìn và bảo vệ di tích.

Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ di tích và quản lý hoạt động du lịch, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại di tích.

Nâng cao vai trò và nhận thức của cộng đồng địa phương là yếu tố then chốt để phát triển du lịch bền vững tại Đền Vực Vông, góp phần bảo tồn lâu dài các giá trị văn hóa – lịch sử của di tích.

### **3.2.5. Giải pháp truyền thông, quảng bá**

Công tác truyền thông, quảng bá đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hình ảnh và sức hút của Đền Vực Vông đối với du khách.

Xây dựng chiến lược quảng bá bài bản, thống nhất. Nội dung truyền thông phải làm nổi bật giá trị lịch sử, văn hóa và ý nghĩa tâm linh của di tích, tạo dấu ấn riêng so với các điểm đến khác.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quảng bá. Sử dụng mạng xã hội, website, video, hình ảnh, mã QR... để giới thiệu thông tin về di tích, lễ hội và các hoạt động trải nghiệm, giúp du khách dễ dàng tiếp cận.

Liên kết quảng bá với các khu du lịch và doanh nghiệp lữ hành. Thông qua các tour, tuyến du lịch, Đền Vực Vông sẽ được giới thiệu rộng rãi hơn, góp phần thu hút lượng khách ổn định.

Tổ chức các sự kiện, lễ hội và hoạt động văn hóa nhằm thu hút truyền thông và tạo điểm nhấn cho điểm đến. Đây là cơ hội để quảng bá hình ảnh di tích một cách trực tiếp và sinh động.

Xây dựng thương hiệu điểm đến gắn với đặc trưng văn hóa – tâm linh, tạo hình ảnh thân thiện, văn minh trong mắt du khách.

Hoạt động truyền thông, quảng bá cần được thực hiện đồng bộ, hiện đại và có định hướng rõ ràng, qua đó góp phần nâng cao vị thế và sức hấp dẫn của Đền Vực Vông trong phát triển du lịch địa phương.

### **Tiểu kết chương 3**

Chương 3 đã tập trung đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm phát huy hiệu quả giá trị lịch sử – văn hóa của di tích Đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch. Trên cơ sở mục tiêu và định hướng phát triển du lịch văn hóa – tâm linh của địa phương, chương đã xác định rõ quan điểm phát huy di tích theo hướng bền vững, hài hòa giữa bảo tồn và khai thác.

Các nhóm giải pháp được đưa ra mang tính hệ thống và toàn diện, bao gồm: bảo tồn di tích, tổ chức và quản lý hoạt động du lịch, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương và đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá. Đồng thời, các kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cũng góp phần tạo cơ chế phối hợp đồng bộ trong quá trình triển khai.

Nhìn chung, những giải pháp này không chỉ nhằm khắc phục các hạn chế đã được chỉ ra ở chương 2 mà còn hướng tới khai thác hiệu quả tiềm năng của di tích trong tương lai. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao giá trị của Đền Vực Vông, góp phần phát triển du lịch văn hóa – tâm linh theo hướng bền vững, gắn với phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1.1. Kết luận

Đền Vực Vông không chỉ đơn thuần là một công trình kiến trúc tín ngưỡng, mà còn là một "pho sử sống" lưu giữ những giá trị văn hóa, lịch sử quý báu của vùng đất cổ đô Hoa Lư. Với hệ thống thần tích, sắc phong và các nghi lễ truyền thống, di tích này chính là biểu tượng cho dòng chảy văn hóa bền bỉ, gắn kết cộng đồng địa phương qua nhiều thế hệ. Xét về khía cạnh du lịch, đền Vực Vông sở hữu tiềm năng rất lớn nhờ vị trí địa lý thuận lợi tại phường Tây Hoa Lư, cùng không gian cảnh quan mang đậm nét trầm mặc, linh thiêng, hoàn toàn đủ điều kiện để trở thành một điểm nhấn trong chuỗi du lịch tâm linh – văn hoá của tỉnh Ninh Bình.

Dù công tác bảo tồn và đón tiếp khách tham quan đã được quan tâm, nhưng nhìn chung hoạt động du lịch tại đền vẫn mang tính tự phát, quy mô nhỏ và chưa tạo được dấu ấn riêng biệt. Sự liên kết giữa di tích với các đơn vị lữ hành còn lỏng lẻo; sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chủ yếu dừng lại ở hoạt động chiêm bái, dâng hương mà chưa khai thác hết chiều sâu các câu chuyện lịch sử để thu hút du khách.

Để giải quyết những tồn tại đó, hệ thống giải pháp được đề xuất nhấn mạnh vào tính bền vững và sự đồng bộ. Quan điểm xuyên suốt là phát triển du lịch phải dựa trên nền tảng bảo tồn nguyên trạng các giá trị cốt lõi của di tích. Việc đổi mới công tác truyền thông, ứng dụng công nghệ trong quảng bá hình ảnh, cùng với việc nâng cao nhận thức và vai trò của cộng đồng địa phương là những yếu tố then chốt. Chỉ khi người dân thực sự tự hào và được hưởng lợi từ di tích, thì giá trị của đền Vực Vông mới được gìn giữ và phát huy một cách sống động nhất.

Như vậy, việc gắn kết khai thác giá trị lịch sử - văn hóa của đền Vực Vông với phát triển du lịch là một hướng đi đúng đắn và tất yếu trong bối cảnh hiện nay. Kết quả nghiên cứu của đề tài không chỉ góp phần hệ thống hóa các giá trị của di tích mà còn đưa ra những gợi ý thiết thực cho các cơ quan quản lý và đơn vị kinh doanh du lịch. Hy vọng rằng, trong tương lai gần, đền Vực Vông sẽ trở thành một điểm đến sáng giá, góp phần làm phong phú thêm diện mạo du lịch của phường

Tây Hoa Lư và vùng đất di sản Ninh Bình, vừa thúc đẩy kinh tế phát triển, vừa bảo vệ được hồn cốt văn hóa của dân tộc.

## **1.2. Kiến nghị và đề xuất**

*Đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa – du lịch.*

Tăng cường chỉ đạo và hoàn thiện quy hoạch vùng du lịch tâm linh – văn hóa; Ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển sản phẩm và quảng bá du lịch địa phương; Tăng cường quản lý và bảo tồn di sản văn hóa – tâm linh.

*Đối với chính quyền địa phương.*

Hoàn thiện quy hoạch chi tiết từng khu, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù; nâng cao năng lực quản lý nhà nước; Khuyến khích người dân tham gia du lịch cộng đồng.

*Đối với doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.*

Tăng cường ý thức giữ gìn cảnh quan, ứng xử văn minh; Đầu tư sáng tạo sản phẩm, dịch vụ du lịch mới mang bản sắc du lịch Ninh Bình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Ninh Bình (2012), *Đền Vực Vông điểm du lịch Ninh Bình*.
2. Bùi Thị Thu, Vũ Mạnh Cường (2012), *Định hướng khai thác các di tích lịch sử văn hoá tỉnh Quảng Trị cho mục đích du lịch*.
3. Dương Văn Sáu (2018), *Giáo trình Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Việt Nam với du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Đinh Gia Khánh (2011), *Văn hóa dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Đinh Văn Viễn, Hà Tổng Mạnh (2024), *Giải pháp tăng cường quản lý về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*.
6. Hoàng Phê (chủ biên) (2016), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
7. Lê Hồng Lý (2018), *Văn hóa tâm linh và du lịch*, NXB Khoa học Xã hội.
8. Ngô Đức Thịnh (2014), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Chí Bền (2017), *Di sản văn hóa Việt Nam – bảo tồn và phát triển*, NXB Văn hóa Dân tộc.
10. Nguyễn Duy Hình (2013), *Tín ngưỡng Thành hoàng làng Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin.
11. Nguyễn Hà Quỳnh Giao và Phạm Xuân Hậu (2019), *Thực trạng và định hướng khai thác các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Thừa Thiên - Huế phục vụ phát triển du lịch*.
12. Nguyễn Thành Trung (2015), *Phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển du lịch Ninh Bình*.
13. Nguyễn Thị Hải (2019), *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững*, NXB Khoa học Xã hội.
14. Nguyễn Thị Hằng (2018), *Di sản văn hoá chùa Bái Đính trong phát triển du lịch bền vững ở Ninh Bình*.

15. Nguyễn Thị Hoài Thanh (2023), *Khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch ở các tỉnh miền núi phía Bắc*.
16. Phạm Trung Lương (2016), *Phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
17. Quốc hội (2001), *Luật Di sản văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội (2024), *Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)*, Hà Nội.
20. Sở Du lịch Ninh Bình (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
21. Sở Du lịch Ninh Bình (2024), *Một số vấn đề về phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*.
22. Tài liệu phỏng vấn, khảo sát thực địa (từ ngày 19/12/2025 – 20/4/2026).
23. Trần Lâm Biền (2012), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt*, NXB Văn hóa Thông tin.
24. Trần Ngọc Thêm (2013), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
25. Trần Quốc Vượng (2010), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
26. Trung tâm Xúc tiến Du lịch Ninh Bình (2025), *Chiêm bái đền Vực Vông dịp đầu Xuân*.
27. UBND thành phố Hoa Lư (2023), *Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội và du lịch địa phương*, Ninh Bình.
28. UBND tỉnh Ninh Bình (2021), *Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030*, Ninh Bình.

## PHỤ LỤC 1

### 1. MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA DU KHÁCH

ĐỀ TÀI: KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ- VĂN HOÁ CỦA DI TÍCH ĐỀN  
VỰC VÔNG PHƯỜNG TÂY HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH GẮN VỚI PHÁT  
TRIỂN DU LỊCH.

Xin chào quý khách, hiện tôi đang thực hiện đề tài “Khai thác giá trị lịch sử - văn hóa của di tích đền Vực Vông phường Tây Hoa Lư tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch”. Rất mong sự hợp tác của quý khách để tạo điều kiện cho tôi hoàn thành tốt đề tài này. Xin trân trọng cảm ơn!

#### I. Thông tin chung về du khách

1. Giới tính:

☐ Nam ☐ Nữ

2. Độ tuổi:

☐ Dưới 18 ☐ 18–25 ☐ 26–35 ☐ 36–45 ☐ 46–60 ☐ Trên 60

3. Nghề nghiệp:

☐ Học sinh/Sinh viên ☐ Cán bộ, công chức ☐ Kinh doanh ☐ Lao động tự  
do ☐ Khác: .....

4. Nơi cư trú:

☐ Ninh Bình ☐ Tỉnh/thành khác (ghi rõ): ..... ☐ Quốc tế

#### II. Mục đích chuyến đi

6. Mục đích chính khi đến đền Vực Vông (có thể chọn nhiều đáp án):

- ☐ Tham quan, du lịch
- ☐ Tín ngưỡng – tâm linh
- ☐ Tìm hiểu lịch sử – văn hóa
- ☐ Nghỉ ngơi, thư giãn

☐ Kết hợp tham quan các điểm du lịch khác

☐ Khác: .....

7. Quý khách đi theo hình thức nào?

☐ Cá nhân

☐ Gia đình

☐ Nhóm bạn

☐ Tour du lịch

☐ Cơ quan/đoàn thể

8. Yếu tố nào là quan trọng nhất thúc đẩy quý khách lựa chọn đền Vực Vông là điểm đến trong chuyến đi này?

☐ Giá trị lịch sử – văn hóa

☐ Tín ngưỡng, tâm linh

☐ Cảnh quan, không gian yên tĩnh

☐ Gần các điểm du lịch khác của Hoa Lư – Ninh Bình

☐ Được giới thiệu/quảng bá

☐ Khác: .....

9. Chuyến tham quan đền Vực Vông của quý khách là:

☐ Mục đích chính của chuyến đi

☐ Một điểm tham quan trong hành trình du lịch tại Ninh Bình

☐ Điểm ghé thăm ngẫu nhiên

10. Thời gian dự kiến quý khách dành cho việc tham quan đền Vực Vông là:

☐ Dưới 30 phút

☐ 30–60 phút

☐ 1–2 giờ

☐ Trên 2 giờ

### III. Mức độ hiểu biết về giá trị lịch sử - văn hoá của di tích

11. Trước khi đến đền Vực Vông, quý khách có biết về di tích này không?

- ☐ Chưa biết
- ☐ Biết sơ qua
- ☐ Biết khá rõ
- ☐ Biết rất rõ

12. Theo quý khách, đền Vực Vông có những giá trị nổi bật nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Giá trị lịch sử
- ☐ Giá trị văn hóa – tín ngưỡng
- ☐ Giá trị kiến trúc – nghệ thuật
- ☐ Giá trị tâm linh
- ☐ Giá trị gắn với lịch sử vùng Hoa Lư
- ☐ Khác: .....

13. Mức độ hiểu biết hiện nay của quý khách về lịch sử – văn hóa đền Vực Vông sau khi tham quan:

- ☐ Rất ít
- ☐ Ít
- ☐ Trung bình
- ☐ Khá
- ☐ Rất nhiều

### IV. Đánh giá mức độ hài lòng

| Tiêu chí đánh giá                            | Rất không<br>hài lòng | Không hài<br>lòng | Hài lòng | Rất hài<br>lòng |
|----------------------------------------------|-----------------------|-------------------|----------|-----------------|
| Cảnh quan, môi trường di<br>tích             |                       |                   |          |                 |
| Giá trị lịch sử – văn hóa<br>được giới thiệu |                       |                   |          |                 |
| Không gian tâm linh, sự<br>trang nghiêm      |                       |                   |          |                 |

|                                           |  |  |  |  |
|-------------------------------------------|--|--|--|--|
| Biển chỉ dẫn, bảng thông tin              |  |  |  |  |
| Thái độ phục vụ của ban quản lý/người dân |  |  |  |  |
| An ninh, trật tự, vệ sinh môi trường      |  |  |  |  |

#### V. Đánh giá dịch vụ liên quan

| Tiêu chí đánh giá              | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng | Rất hài lòng |
|--------------------------------|--------------------|----------------|----------|--------------|
| Giao thông, đường vào di tích  |                    |                |          |              |
| Dịch vụ ăn uống                |                    |                |          |              |
| Dịch vụ lưu trú gần di tích    |                    |                |          |              |
| Dịch vụ hướng dẫn, thuyết minh |                    |                |          |              |
| Sản phẩm lưu niệm              |                    |                |          |              |

#### VI. Kỳ vọng và đề xuất

14. Theo quý khách, cần làm gì để khai thác tốt hơn giá trị lịch sử – văn hóa đền Vực Vông gắn với phát triển du lịch?

- ☐ Tăng cường công tác quảng bá, truyền thông
- ☐ Bổ sung nội dung thuyết minh lịch sử – văn hóa
- ☐ Đầu tư cơ sở hạ tầng, cảnh quan
- ☐ Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên

☐ Xây dựng tour du lịch kết nối với các điểm khác ở Hoa Lư – Ninh Bình

☐ Khác: .....

15. Quý khách có dự định quay lại tham quan đền Vực Vông trong tương lai không?

☐ Chắc chắn không

☐ Có thể

☐ Chắc chắn có

16. Ý kiến đóng góp khác của quý khách:

.....

.....

*Xin trân trọng cảm ơn quý khách!*

## 2. MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

ĐỀ TÀI: KHAI THÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HOÁ CỦA DI TÍCH  
ĐỀN VỰC VÔNG PHƯỜNG TÂY HOA LƯU TỈNH NINH BÌNH GẮN  
VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH.

Xin chào ông/bà, hiện tôi đang thực hiện đề tài “Khai thác giá trị lịch sử văn hóa của di tích đền Vực Vông phường Tây Hoa Lưu, tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch”. Rất mong sự hợp tác của ông/bà để tạo điều kiện cho tôi hoàn thành tốt đề tài này. Xin trân trọng cảm ơn!

### I. Thông tin chung

1. Giới tính:

☐ Nam      ☐ Nữ      ☐ Khác

2. Độ tuổi:

☐ Dưới 18    ☐ 18–30    ☐ 31–45    ☐ 46–60    ☐ Trên 60

3. Trình độ học vấn:

☐ Tiểu học

☐ THCS

☐ THPT

☐ Trung cấp/Cao đẳng

☐ Đại học trở lên

4. Nghề nghiệp chính:

☐ Nông nghiệp

☐ Kinh doanh – dịch vụ

☐ Cán bộ, công chức

☐ Lao động tự do

☐ Khác: .....

5. Thời gian sinh sống tại địa phương:

☐ Dưới 5 năm

- ☐ 5–10 năm
- ☐ 10–20 năm
- ☐ Trên 20 năm

## **II. Nhận thức của người dân về giá trị lịch sử - văn hoá di tích**

6. Ông/bà có biết đền Vực Vòng là di tích lịch sử – văn hóa của địa phương không?
  - ☐ Không biết
  - ☐ Biết sơ qua
  - ☐ Biết khá rõ
  - ☐ Biết rất rõ
7. Theo ông/bà, đền Vực Vòng có những giá trị nào nổi bật? (có thể chọn nhiều đáp án)
  - ☐ Giá trị lịch sử
  - ☐ Giá trị văn hóa – tín ngưỡng
  - ☐ Giá trị tâm linh
  - ☐ Giá trị kiến trúc – nghệ thuật
  - ☐ Giá trị giáo dục truyền thống
  - ☐ Khác: .....
8. Ông/bà đánh giá mức độ quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích đền Vực Vòng như thế nào?
  - ☐ Không quan trọng
  - ☐ Ít quan trọng
  - ☐ Bình thường
  - ☐ Quan trọng
  - ☐ Rất quan trọng

### **III. Thái độ của người dân đối với khai thác di tích gắn với du lịch**

9. Ông/bà có đồng tình với việc khai thác giá trị di tích đền Vực Vông để phát triển du lịch địa phương không?

☐ Hoàn toàn không đồng tình

☐ Không đồng tình

☐ Phân vân

☐ Đồng tình

☐ Hoàn toàn đồng tình

10. Theo ông/bà, phát triển du lịch tại di tích đền Vực Vông sẽ mang lại những lợi ích nào cho địa phương? (có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Tăng thu nhập cho người dân

☐ Tạo việc làm

☐ Góp phần bảo tồn di tích

☐ Quảng bá hình ảnh địa phương

☐ Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần

☐ Khác: .....

11. Ông/bà lo ngại những vấn đề nào khi khai thác di tích gắn với phát triển du lịch?

☐ Ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của di tích

☐ Ô nhiễm môi trường

☐ Thương mại hóa quá mức

☐ Mất bản sắc văn hóa

☐ Không có lo ngại

☐ Khác: .....

### **IV. Mức độ tham gia của người dân trong khai thác và bảo tồn di tích**

12. Ông/bà đã từng tham gia vào các hoạt động liên quan đến di tích đền Vực Vông chưa?

- ☐ Chưa từng tham gia
- ☐ Tham gia gián tiếp
- ☐ Tham gia thường xuyên

13. Hình thức tham gia của ông/bà (có thể chọn nhiều đáp án):

- ☐ Giữ gìn vệ sinh, cảnh quan di tích
- ☐ Tham gia lễ hội, nghi lễ truyền thống
- ☐ Tham gia tuyên truyền, giới thiệu di tích
- ☐ Tham gia dịch vụ du lịch (bán hàng, hướng dẫn, lưu trú...)
- ☐ Đóng góp ý kiến cho chính quyền/ban quản lý
- ☐ Khác: .....

14. Mức độ sẵn sàng của ông/bà trong việc tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong thời gian tới:

- ☐ Không sẵn sàng
- ☐ Ít sẵn sàng
- ☐ Bình thường
- ☐ Sẵn sàng
- ☐ Rất sẵn sàng

## **V. Đánh giá công tác quản lý, bảo tồn di tích**

15. Ông/bà đánh giá công tác quản lý, bảo tồn di tích đền Vực Vông hiện nay như thế nào?

- ☐ Rất kém
- ☐ Kém
- ☐ Trung bình

☐ Tốt

☐ Rất tốt

16. Theo ông/bà, vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích hiện nay là:

☐ Chưa rõ ràng

☐ Chưa được phát huy

☐ Ở mức trung bình

☐ Được phát huy khá tốt

☐ Được phát huy rất tốt

## **VI. Kiến nghị và đề xuất**

17. Theo ông/bà, cần thực hiện những giải pháp nào để nâng cao vai trò của cộng đồng trong khai thác và bảo tồn di tích đền Vực Vông?

☐ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân

☐ Tạo cơ chế để người dân tham gia quản lý di tích

☐ Hỗ trợ người dân tham gia hoạt động du lịch

☐ Đào tạo kỹ năng du lịch, thuyết minh

☐ Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch

☐ Khác: .....

18. Ý kiến đóng góp khác của ông/bà:

.....

.....

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!*

## PHỤ LỤC 2

### Khung câu hỏi phỏng vấn sâu

#### Nhóm 1: Phỏng vấn đại diện Cơ quan Quản lý Nhà nước

- Đối tượng: Ông Đinh Thành Sơn – Cán bộ phụ trách Văn hóa - Xã hội phường Tây Hoa Lư.
- Mục đích: Đánh giá công tác quản lý vĩ mô, sự gắn kết giữa bảo tồn di sản và quy hoạch phát triển du lịch trong bối cảnh đô thị hóa.

| Câu hỏi phỏng vấn của tác giả                                                                                                                                                                                                               | Nội dung trả lời                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Câu 1:</b> Xin ông cho biết trong bối cảnh đô thị hóa và sáp nhập địa giới hành chính hiện nay, chính quyền địa phương định hướng công tác quản lý và bảo tồn đền Vực Vông như thế nào để cân bằng giữa kiến trúc và không gian văn hóa? | <i>“Việc bảo tồn đền Vực Vông hiện nay không chỉ dừng lại ở giữ gìn các giá trị vật thể mà còn phải chú trọng bảo tồn cả những giá trị phi vật thể của di tích.”</i>                                                |
| <b>Câu 2:</b> Địa phương đã có những biện pháp cụ thể nào để bảo vệ cảnh quan xung quanh di tích trước áp lực của việc phát triển hạ tầng và công trình dân sinh, thưa ông?                                                                 | <i>“Chúng tôi đang thực hiện nghiêm ngặt các quy định về vùng đệm di tích, kiên quyết không để các công trình dân sinh xâm lấn không gian cảnh quan của đền Vực Vông, nhằm giữ gìn tính nguyên bản cho di sản.”</i> |

## Nhóm 2: Phỏng vấn người trông coi di tích

- Đối tượng: Cụ Nguyễn Văn Khôi – Người trông coi đền Vực Vông.
- Mục đích: Tìm hiểu về thực trạng vật chất của di tích và các giá trị độc đáo về mặt phong thủy, tín ngưỡng dân gian.

| Câu hỏi phỏng vấn của tác giả                                                                                                                                                                  | Nội dung trả lời                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Câu 1:</b> Là người trực tiếp trông coi đền, cụ thấy di tích đang gặp phải những khó khăn hay thách thức gì từ tự nhiên, và công tác bảo tồn các giá trị mỹ thuật cổ đòi hỏi lưu ý điều gì? | <i>“Những tác động của thời tiết lên các cấu kiện gỗ, đá cổ đang là thách thức lớn, đòi hỏi quy trình trùng tu cực kỳ cẩn trọng để không làm mất đi các họa tiết chạm khắc nguyên bản thời Lê - Nguyễn.”</i>                         |
| <b>Câu 2:</b> Dưới góc nhìn của cụ, đâu là điểm đặc trưng, độc đáo nhất về không gian và tâm linh của đền Vực Vông so với các ngôi đền khác trong vùng?                                        | <i>“Điểm độc đáo của đền chính là sự kết hợp hài hòa giữa tín ngưỡng thờ Mẫu với địa thế phong thủy đặc trưng của vùng đất Hoa Lư, tạo nên một không gian văn hóa vừa trang nghiêm vừa gần gũi với đời sống cư dân nông nghiệp.”</i> |

## Nhóm 3: Phỏng vấn Người dân sinh sống tại cộng đồng

- Đối tượng: Ông Lê Văn Tú – Người dân sinh sống cạnh đền Vực Vông.
- Mục đích: Đánh giá nhận thức, vai trò tham gia của cộng đồng địa phương trong việc gìn giữ di sản và phát triển du lịch bền vững.

| Câu hỏi phỏng vấn của tác giả                                                                                                                                                                                     | Nội dung trả lời                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Câu 1:</b> Là một người dân sinh sống lâu năm ngay cạnh di tích, ông cảm nhận thế nào về vai trò và trách nhiệm của bản thân cũng như cộng đồng đối với các hoạt động tâm linh, tế tự tại đền Vực Vông?</p> | <p><i>“Hơn 20 năm sống cạnh mái đền, việc phụng sự trong các nghi thức tế tự không chỉ là lòng thành kính mà còn là trách nhiệm.”</i></p>           |
| <p><b>Câu 2:</b> Ông có mong muốn hoặc kỳ vọng gì gửi gắm đến du khách thập phương khi họ đến tham quan, chiêm bái ngôi đền này?</p>                                                                              | <p><i>“Tôi mong muốn mỗi du khách khi về đây đều cảm nhận được nét văn hóa truyền thống nguyên bản và sự nồng hậu của con người Ninh Bình.”</i></p> |

### PHỤ LỤC 3



Ảnh 1: Cổng Tam quan đền Vực Vông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 2: Chánh điện tòa Tiền đường đền Vực Vông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 3: Ban thờ Công đồng Tứ phủ và các vị Quận công bên trong đền Vực Vông  
(Nguồn: Suru tâm)



Ảnh 4: Không gian thờ tự chính cung và bài vị thờ Bà Chúa Nguyễn Thị Niên  
tại đền Vực Vông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 5: Du khách thập phương về tham quan, chiêm bái tại di tích đền Vực Vông dịp đầu xuân (Nguồn: Suu tầm)



Ảnh 6: Sơ đồ vị trí di tích đền Vực Vông (Nguồn: Suu tầm)